

Số: /QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Tháp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 367/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 5891/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số 192/QĐ-BNNMT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số 278/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật (cấp tỉnh) thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Nông nghiệp

và Môi trường tỉnh Đồng Tháp, cụ thể:

- Ban hành mới: 03 thủ tục hành chính.
- Sửa đổi, bổ sung: 27 thủ tục hành chính.
- Bãi bỏ: 08 thủ tục hành chính.

(Có phụ lục kèm theo, gồm: Phần A. Danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh; Phần B. Nội dung; thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính cần phải số hóa đối với từng thủ tục hành chính).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm về hình thức, nội dung công khai thủ tục hành chính tại nơi tiếp nhận hồ sơ, Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị theo đúng quy định.

2. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật tất cả nội dung của thủ tục hành chính lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

3. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện tích hợp, đồng bộ thủ tục hành chính lên Cổng Dịch vụ công quốc gia; cập nhật quy trình nội bộ, liên thông và điện tử của thủ tục hành chính lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các thủ tục hành chính có số thứ tự từ 1 đến 15 Mục VII; số thứ tự từ 2 đến 21 Mục VIII Phần A Phụ lục 1 và nội dung, thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính cần số hóa; quy trình nội bộ, liên thông, điện tử đối với từng thủ tục hành chính nêu trên được ban hành kèm theo Quyết định số 1435/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; được sửa đổi, bổ sung; thay thế và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Tư pháp (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VPUB: LĐVP, P.KT, TTPVHCC;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (Ảnh).

CHỦ TỊCH

Phạm Thành Ngại

Phụ lục

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

PHẦN A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Phí, lệ phí		TTHC liên thông, không thuộc địa giới hành chính (phi địa giới)			Dịch vụ công trực tuyến			Dịch vụ Bru chính công ích	Ghi chú
			Phí	Lệ phí	Cùng cấp	02 cấp	Phi địa giới	Toàn trình	Một phần	Cung cấp thông tin		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I. LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT												
Thủ tục hành chính mới ban hành												
1	1.014776	Cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói			X		X	X			X	
2	2.001427	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	X		X		X	X			X	
3	1.002560	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	X		X		X	X			X	
Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung												
4	1.003395	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu			X		X	X			X	
5	1.004363	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	X		X		X	X			X	
6	1.004346	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	X		X		X	X			X	
7	2.001236	Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm	X		X		X	X			X	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Phí, lệ phí		TTHC liên thông, không thuộc địa giới hành chính (phí địa giới)			Dịch vụ công trực tuyến			Dịch vụ Bru chính công ích	Ghi chú
			Phí	Lệ phí	Cùng cấp	02 cấp	Phí địa giới	Toàn trình	Một phần	Cung cấp thông tin		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
		thuốc bảo vệ thực vật										
8	1.003971	Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật	x		x		x	x			x	
9	1.007926	Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón			x		x	x			x	
10	1.007927	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	x		x		x	x			x	
11	1.007928	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	x		x		x	x			x	
12	1.007929	Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón			x		x	x			x	
II. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT												
Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung												
1	1.012001	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng			x		x	x			x	
2	1.012002	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng			x		x	x			x	
3	1.011999	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân			x		x	x			x	
4	1.012003	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng			x		x	x			x	
5	1.012004	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng			x		x	x			x	
6	1.012000	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân			x		x	x			x	
7	1.008003	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính			x		x	x			x	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Phí, lệ phí		TTHC liên thông, không thuộc địa giới hành chính (phi địa giới)			Dịch vụ công trực tuyến			Dịch vụ Bru chính công ích	Ghi chú
			Phí	Lệ phí	Cùng cấp	02 cấp	Phi địa giới	Toàn trình	Một phần	Cung cấp thông tin		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
8	1.007998	Cấp, cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng			x		x	x			x	
9	1.012072	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng			x		x	x			x	
10	1.012071	Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ			x		x	x			x	
11	1.012073	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng			x		x	x			x	
12	1.012070	Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc			x		x	x			x	
13	1.012063	Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng			x		x	x			x	
14	1.012064	Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng			x		x	x			x	
15	1.012062	Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng			x		x	x			x	
16	1.011998	Đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng			x		x	x			x	
17	1.007999	Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc			x		x	x			x	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Phí, lệ phí		TTHC liên thông, không thuộc địa giới hành chính (phí địa giới)			Dịch vụ công trực tuyến			Dịch vụ Bru chính công ích	Ghi chú
			Phí	Lệ phí	Cùng cấp	02 cấp	Phi địa giới	Toàn trình	Một phần	Cung cấp thông tin		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
		tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng)										
18	1.007994	Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại			x		x	x			x	

PHẦN B. NỘI DUNG; THÀNH PHẦN HỒ SƠ, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẦN PHẢI SỐ HÓA ĐỐI VỚI TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT

(Theo Quyết định số 278/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. Tên TTHC: Cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói - Mã TTHC: 1.014776

(1) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp mã số vùng trồng hoặc mã số cơ sở đóng gói đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính (sau đây gọi là Cơ quan chuyên môn được giao) bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Bước 2: Cơ quan chuyên môn được giao trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp, trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 02 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính kể từ ngày nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đúng quy định thì trả lại cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

- Bước 3:

(i) Đối với cấp mã số vùng trồng hoặc mã số cơ sở đóng gói

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan chuyên môn được giao thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra thực tế và lập Biên bản kiểm tra vùng trồng theo Phụ lục V hoặc Biên bản kiểm tra cơ sở đóng gói theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 38/2026/NĐ-CP của Chính phủ về Quy định nhập khẩu cây mang theo bầu đất và mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói (sau đây gọi là Nghị định số 38/2026/NĐ-CP).

Trường hợp kết quả kiểm tra thực tế không đạt yêu cầu, Cơ quan chuyên môn được giao phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân để thực hiện khắc phục các điểm không phù hợp và báo cáo kết quả khắc phục.

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra thực tế đạt yêu cầu, Cơ quan chuyên môn được giao ban hành Quyết định cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 38/2026/NĐ-CP.

+ Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả khắc phục đạt yêu cầu, Cơ quan chuyên môn được giao thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế và cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói; trường hợp không cấp thì phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

(ii) Đối với cấp lại mã số vùng trồng hoặc mã số cơ sở đóng gói

Trường hợp thay đổi thông tin liên quan đến tên tổ chức, cá nhân đại diện mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói hoặc do việc thay đổi địa giới hành chính thì tổ chức, cá nhân nộp đơn đề nghị cấp lại theo Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 38/2026/NĐ-CP. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận đơn đề nghị cấp lại của tổ chức, cá nhân, Cơ quan chuyên môn được giao căn cứ vào hồ sơ lưu trữ, xem xét và cấp lại Quyết định theo Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 38/2026/NĐ-CP; trường hợp không cấp thì phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:
 - + Quầy số 14 - Số ĐT: 02733.993890 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp.
 - + Quầy số 13 - Số ĐT: 02733.898962 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: Số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường.
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- a) Nộp trực tiếp.
- b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính.
- c) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

- a) Đối với trường hợp đề nghị cấp mã số vùng trồng
 - Đơn đề nghị cấp mã số vùng trồng theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 38/2026/NĐ-CP.
 - Bản thuyết minh của vùng trồng theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 38/2026/NĐ-CP.
- b) Đối với trường hợp đề nghị cấp mã số cơ sở đóng gói
 - Đơn đề nghị cấp mã số cơ sở đóng gói theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 38/2026/NĐ-CP.
 - Bản thuyết minh của cơ sở đóng gói theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 38/2026/NĐ-CP.
- c) Đối với trường hợp đề nghị cấp lại mã số vùng trồng/mã số cơ sở đóng gói
 - Đơn đề nghị cấp lại mã số vùng trồng/mã số cơ sở đóng gói theo Phụ lục

VIII ban hành kèm theo Nghị định số 38/2026/NĐ-CP.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết:

- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không kể thời gian khắc phục.

- 02 ngày làm việc đối với trường cấp lại.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 38/2026/NĐ-CP.

(9) Lệ phí, phí (nếu có): Không

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp mã số vùng trồng theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 38/2026/NĐ-CP.

- Bản thuyết minh của vùng trồng theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 38/2026/NĐ-CP.

- Bản thuyết minh của cơ sở đóng gói theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 38/2026/NĐ-CP.

- Đơn đề nghị cấp lại mã số vùng trồng/mã số cơ sở đóng gói theo Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 38/2026/NĐ-CP.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Yêu cầu kỹ thuật đối với vùng trồng đề nghị cấp mã số

- Diện tích tối thiểu của một vùng trồng là 10 hecta (ha) đối với cây trồng lâu năm. Đối với cây hằng năm, diện tích phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương. Trường hợp có yêu cầu khác về diện tích hoặc kỹ thuật của nước nhập khẩu thì áp dụng theo yêu cầu đó.

- Có quy trình sản xuất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật ở trung ương hoặc địa phương.

- Có hồ sơ ghi chép và lưu trữ các thông tin liên quan đến quy trình sản xuất, thu hoạch sản phẩm.

- Đối với các vùng trồng phục vụ xuất khẩu ngoài việc đáp ứng các yêu cầu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 6 Nghị định số 38/2026/NĐ-CP còn phải tuân thủ các yêu cầu về kiểm dịch thực vật và an toàn thực phẩm của nước nhập khẩu.

b) Yêu cầu kỹ thuật đối với cơ sở đóng gói

- Có địa điểm cụ thể, diện tích phù hợp với quy mô hoạt động; nhà xưởng được bố trí theo nguyên tắc một chiều và phân khu chức năng riêng biệt; có nguồn điện, nước sạch, hệ thống thoát nước.

- Có trang thiết bị, dụng cụ phục vụ tiếp nhận, phân loại, sơ chế, đóng gói và bảo quản sản phẩm; có quy trình đóng gói; có biện pháp kiểm soát sinh vật gây hại.

- Có hồ sơ ghi chép và lưu trữ các thông tin liên quan đến nguồn gốc sản phẩm cây trồng, quá trình thực hiện đóng gói, xuất khẩu hoặc tiêu thụ sản phẩm; hồ sơ kiểm soát sinh vật gây hại, hồ sơ theo dõi vệ sinh cơ sở đóng gói, hồ sơ về nhân sự, tập huấn nội bộ, hồ sơ sử dụng hóa chất.

- Đối với các cơ sở đóng gói phục vụ xuất khẩu ngoài việc đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 7 Nghị định số 38/2026/NĐ-CP phải tuân thủ các yêu cầu về kiểm dịch thực vật và an toàn thực phẩm của nước nhập khẩu.

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 64 Luật Trồng trọt năm 2018.

- Điều 15 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Điều 8 Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24/01/2026 của Chính phủ về Quy định nhập khẩu cây mang theo bầu đất và mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

a) Đối với trường hợp đề nghị cấp mã số vùng trồng

- Đơn đề nghị cấp mã số vùng trồng theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 38/2026/NĐ-CP.

- Bản thuyết minh của vùng trồng theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 38/2026/NĐ-CP.

b) Đối với trường hợp đề nghị cấp mã số cơ sở đóng gói

- Đơn đề nghị cấp mã số cơ sở đóng gói theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 38/2026/NĐ-CP.

- Bản thuyết minh của cơ sở đóng gói theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 38/2026/NĐ-CP.

c) Đối với trường hợp đề nghị cấp lại mã số vùng trồng/mã số cơ sở đóng gói

- Đơn đề nghị cấp lại mã số vùng trồng/mã số cơ sở đóng gói theo Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 38/2026/NĐ-CP.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

- Quyết định cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 38/2026/NĐ-CP.

Phụ lục II**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP MÃ SỐ VÙNG TRỒNG/MÃ SỐ CƠ SỞ ĐÓNG GÓI**
(Kèm theo Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP MÃ SỐ VÙNG TRỒNG/MÃ SỐ CƠ SỞ ĐÓNG GÓI

Kính gửi: (Tên cơ quan chuyên môn được giao).

1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp mã số:

Mã số đăng ký kinh doanh (nếu có):

Người đại diện:

Căn cước công dân ngày cấp cơ quan cấp

Điện thoại: Email:

Địa chỉ:

2. Tên vùng trồng/cơ sở đóng gói đề nghị cấp mã số:

Địa chỉ vùng trồng/cơ sở đóng gói:

Thị trường đăng ký cấp mã số vùng trồng/mã số cơ sở đóng gói:

Diện tích đăng ký:

3. Mục đích cấp:

☐ Cấp mới mã số vùng trồng☐ Cấp mới mã số cơ sở đóng gói☐ Cấp bản sao Quyết định cấp mã số vùng trồng☐ Cấp bản sao Quyết định cấp mã số cơ sở đóng gói

Tài liệu kèm theo: Bản thuyết minh của vùng trồng/cơ sở đóng gói.

Chúng tôi xin cam đoan thông tin trong đơn, tài liệu kèm theo là đúng sự thật.
Sau khi được cấp mã số vùng trồng/mã số cơ sở đóng gói chúng tôi xin cam kết thực
hiện đúng các quy định của pháp luật về mã số vùng trồng/mã số cơ sở đóng gói./.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP MÃ SỐ

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục III**BẢN THUYẾT MINH CỦA VÙNG TRỒNG***(Kèm theo Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..... ngày tháng năm

BẢN THUYẾT MINH CỦA VÙNG TRỒNG**I. THÔNG TIN CHUNG**

Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp mã số:

Mã số đăng ký kinh doanh (nếu có):

Người đại diện:

Căn cước công dân ngày cấp cơ quan cấp

Điện thoại: Email:.....

II. MÔ TẢ VỀ VÙNG TRỒNG

1. Tên giống cây trồng:

2. Tuổi cây (năm tuổi):

3. Thời gian thu hoạch dự kiến: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

4. Diện tích vùng trồng:

5. Số hộ tham gia vùng trồng:

6. Năng suất, sản lượng:

- Sản lượng (tấn/ha/năm):

- Năng suất (tạ/ha):

7. Quy trình sản xuất (mô tả):

8. Các loài sinh vật gây hại đã phát hiện (2 vụ gần nhất):

.....

9. Các biện pháp quản lý sinh vật gây hại đã áp dụng:

10. Tổng số người lao động: người.

- Lao động trực tiếp: người.

- Lao động gián tiếp: người.

III. TÀI LIỆU KÈM THEO

1. Danh sách các hộ nông dân trong vùng kèm theo diện tích.

2. Chúng tôi cam đoan thông tin trong bản thuyết minh này, tài liệu kèm theo là đúng sự thật và tuân thủ các quy định của pháp luật.

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra và cấp mã số./.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP MÃ SỐ*(Ký tên, đóng dấu (nếu có))*

Phụ lục IV

BẢN THUYẾT MINH CỦA CƠ SỞ ĐÓNG GÓI*(Kèm theo Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..... ngày tháng năm

BẢN THUYẾT MINH CỦA CƠ SỞ ĐÓNG GÓI**I. THÔNG TIN CHUNG**

Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp mã số:

Mã số đăng ký kinh doanh (nếu có):

Người đại diện:

Căn cước công dân ngày cấp cơ quan cấp

Điện thoại: Email:.....

II. MÔ TẢ VỀ CƠ SỞ ĐÓNG GÓI

1. Tổng diện tích cơ sở đóng gói:

- Diện tích khu vực tiếp nhận nguyên liệu/sản phẩm:

- Diện tích khu vực phân loại/sơ chế sản phẩm:

- Diện tích khu vực đóng gói sản phẩm:

- Diện tích khu vực bảo quản sản phẩm:

- Diện tích các khu vực khác:

2. Công suất đóng gói/ngày:

3. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây):

4. Các sản phẩm đóng gói:

5. Sản phẩm đăng ký mã số cơ sở đóng gói:

6. Thị trường tiêu thụ chính:

7. Thị trường đăng ký mã số cơ sở đóng gói:

8. Giấy chứng nhận: HACCP/GMP/ISO 9001/ISO 22000/cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc giấy chứng nhận khác tương đương

9. Quy trình đóng gói: Theo nguyên tắc 1 chiều: Có ☐ Không ☐

10. Các biện pháp quản lý sinh vật gây hại đã áp dụng tại cơ sở đóng gói:

.....

.....

.....

11. Các biện pháp vệ sinh cơ sở đóng gói: Có ☐; Không ☐

12. Hóa chất sử dụng:

Tên hóa chất	Hoạt chất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

13. Trang thiết bị chính:

14. Nguồn nước sử dụng: Nước máy công cộng ☐

Nước giếng khoan ☐

15. Hệ thống xử lý rác và nước thải: Có ☐ Không ☐

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:

16. Tổng số người lao động: người.

Số người được tập huấn (mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói, an toàn thực phẩm): người.

17. Hợp tác liên kết tiêu thụ sản phẩm:

(Ghi rõ tên Doanh nghiệp/vùng trồng, mã số vùng trồng (nếu có) liên kết)

18. Truy xuất nguồn gốc: Có ☐ Không ☐

III. TÀI LIỆU KÈM THEO

- Bản vẽ mặt bằng cơ sở đóng gói.

- Quy trình đóng gói áp dụng tại cơ sở.

- Bản sao giấy chứng nhận (HACCP/GMP/ISO 9001/ISO 22000/cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc.....) của cơ sở (nếu có).

Chúng tôi cam đoan thông tin trong bản thuyết minh này, tài liệu kèm theo là đúng sự thật và tuân thủ các quy định của pháp luật.

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra và cấp mã số cơ sở đóng gói ...

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP MÃ SỐ
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Phụ lục V

BIÊN BẢN KIỂM TRA VÙNG TRỒNG

(Kèm theo Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KIỂM TRA Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng năm....

BIÊN BẢN KIỂM TRA VÙNG TRỒNG

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên vùng trồng:
Địa chỉ: Mã số đăng ký kinh
doanh số (nếu có):
Số điện thoại: Email liên hệ (nếu có):
Mã số vùng trồng (nếu có):
Tên sản phẩm cây trồng: Ngày kiểm tra:
..... Lần
2. Hình thức kiểm tra: Trực tiếp ☐ Trực tuyến ☐
3. Thành phần đoàn kiểm tra:
- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ: Đại
diện vùng trồng:
- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:

II. KIỂM TRA THỰC TẾ

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra		
		Đạt	Không đạt	Diễn giải chi tiết
I	Thông tin đăng ký ban đầu			
	Diện tích vùng trồng			
	Số hộ tham gia sản xuất			
	Giai đoạn sinh trưởng của cây trồng			
	Thời gian dự kiến thu hoạch			
	Sản lượng dự kiến thu hoạch			
	Hợp tác liên kết với cơ sở đóng gói (nếu có và nêu rõ mã số cơ sở đóng gói)			
II	Nội dung đánh giá tại vùng trồng			

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra		
		Đạt	Không đạt	Diễn giải chi tiết
	Quy trình sản xuất			
	Có ghi chép và lưu giữ thông tin			
	Các yêu cầu khác nêu có			

--	--	--	--

III. KẾT LUẬN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

Đạt ☐; Không đạt ☐ (có thể khắc phục/không thể khắc phục)

.....

Nội dung cần khắc phục:

.....

.....

.....

IV. Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC KIỂM TRA

.....

.....

Biên bản kiểm tra được lập xong vào hồi ... giờ ... phút ngày .../.../.... biên bản đã được đọc lại cho những người nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng nhau ký tên dưới đây; biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN VÙNG TRỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục VI

BIÊN BẢN KIỂM TRA CƠ SỞ ĐÓNG GÓI

(Kèm theo Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ KIỂM TRA CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng năm....

BIÊN BẢN KIỂM TRA CƠ SỞ ĐÓNG GÓI

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở đóng gói:

Địa chỉ:

Mã số đăng ký kinh doanh số (nếu có):

Số điện thoại: Email liên hệ (nếu có):

Mã số cơ sở đóng gói (nếu có):

Tên sản phẩm cây trồng:

Ngày kiểm tra: Lần

2. Hình thức kiểm tra:

Trực tiếp ☐; Trực tuyến ☐

3. Thành phần đoàn kiểm tra:

- Ông (bà): Chức vụ:

- Ông (bà): Chức vụ:

- Ông (bà): Chức vụ:

4. Đại diện cơ sở đóng gói:

- Ông (bà): Chức vụ:

- Ông (bà): Chức vụ:

II. KIỂM TRA THỰC TẾ

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra		
		Đạt	Không đạt	Diễn giải chi tiết
I	Thông tin đăng ký ban đầu			
1	Diện tích			
2	Số lượng nhân sự			
3	Sản phẩm cây trồng được đóng gói tại cơ sở			
4	Công suất đóng gói/ngày			
5	Cơ sở xử lý kiểm dịch thực vật kèm theo (nếu có)			
6	Hợp tác liên kết với vùng trồng (nếu có, nêu rõ tên vùng trồng, mã số vùng trồng)			
7	Có thay đổi so với đăng ký/đăng ký lần đầu:			
II	Nội dung đánh giá tại cơ sở đóng gói			

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra		
		Đạt	Không đạt	Diễn giải chi tiết
1	Cơ sở hạ tầng			
2	Trang thiết bị			
3	Quy trình đóng gói			

4	Người lao động			
5	Ghi chép			
6	Yêu cầu khác (nếu có)			

III. CHỈ TIÊU KHÔNG ĐÁNH GIÁ VÀ LÝ DO

.....

IV. KẾT LUẬN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

Đạt ☐; Không đạt ☐.....(có thể khắc phục/không thể khắc phục)

Nội dung cần khắc phục:

V. Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC KIỂM TRA

.....

Biên bản kiểm tra được lập xong vào hồi ...giờ ... phút ngày .../.../.... biên bản đã được đọc lại cho những người nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng nhau ký tên dưới đây; biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÓNG GÓI
(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục VII**QUYẾT ĐỊNH CẤP MÃ SỐ VÙNG TRỒNG/MÃ SỐ CƠ SỞ ĐÓNG GÓI**
(Kèm theo Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/TP...
TÊN CƠ QUAN CHUYÊN MÔN
ĐƯỢC GIAO**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.....

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc cấp mã số vùng trồng/mã số cơ sở đóng gói****THỦ TRƯỞNG (TÊN CƠ QUAN CHUYÊN MÔN ĐƯỢC GIAO)***Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ quy định về nhập khẩu cây mang theo bầu đất và mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói;**Căn cứ Quyết định số... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (Tên cơ quan chuyên môn được giao);*
*Theo đề nghị của(1).***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Cấp mã số vùng trồng/mã số cơ sở đóng gói như sau:

Tên tổ chức/cá nhân đại diện:

Tên vùng trồng/cơ sở đóng gói:

Địa chỉ vùng trồng/cơ sở đóng gói:

Tên sản phẩm cây trồng:

Diện tích:

Mã số vùng trồng/mã số cơ sở đóng gói:

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân đại diện) có trách nhiệm tự giám sát định kỳ hàng năm trước mỗi vụ thu hoạch hoặc vụ xuất khẩu. Trường hợp không thực hiện tự giám sát, mã số đã cấp sẽ bị thu hồi.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

-;

- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, đóng dấu)

(1) Lãnh đạo đơn vị thuộc cơ quan có thẩm quyền được giao nhiệm vụ thẩm định hồ sơ mã số vùng trồng/mã số cơ sở đóng gói.

Phụ lục VIII**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI MÃ SỐ VÙNG TRỒNG/ MÃ SỐ CƠ SỞ ĐÓNG GÓI**
(Kèm theo Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
MÃ SỐ VÙNG TRỒNG/MÃ SỐ CƠ SỞ ĐÓNG GÓI

Kính gửi: (Tên cơ quan chuyên môn được giao).

1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp lại mã số:

..... Người đại diện:

.....

..

Căn cước công dân: ngày cấp: cơ quan cấp:

Điện thoại:Email:

Địa chỉ:

2. Tên vùng trồng/cơ sở đóng gói đề nghị cấp lại mã số:

..... Địa chỉ vùng trồng/cơ sở đóng gói:

.....

Thị trường đăng ký cấp mã số vùng trồng/mã số cơ sở đóng gói:

Đã được cấp tại Quyết định số ngày tháng năm có mã số vùng trồng/mã số cơ sở đóng gói là

Lý do đề nghị cấp lại: (1)

Tài liệu kèm theo:

Chúng tôi xin cam đoan thông tin trong đơn, tài liệu kèm theo là đúng sự thật. Sau khi được cấp lại mã số vùng trồng/mã số cơ sở đóng gói chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật về mã số vùng trồng/mã số cơ sở đóng gói./.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI MÃ SỐ
(Ký tên, đóng dấu)

(1) Thay đổi thông tin liên quan đến tên tổ chức, cá nhân đại diện mã số vùng trồng/mã số cơ sở đóng gói hoặc thay đổi địa giới hành chính.

Phụ lục IX

QUYẾT ĐỊNH CẤP LẠI MÃ SỐ VÙNG TRỒNG/ MÃ SỐ CƠ SỞ ĐÓNG GÓI
(Kèm theo Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/TP...
**TÊN CƠ QUAN CHUYÊN MÔN
ĐƯỢC GIAO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.....

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp lại mã số vùng trồng/mã số cơ sở đóng gói

THỦ TRƯỞNG (TÊN CƠ QUAN CHUYÊN MÔN ĐƯỢC GIAO)

*Căn cứ Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ quy định về nhập khẩu cây mang theo bầu đất và mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói;
Căn cứ Quyết định số... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (Tên cơ quan chuyên môn được giao);
Theo đề nghị của(1).*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp lại mã số vùng trồng/mã số cơ sở đóng gói như sau:

Tên tổ chức/cá nhân đại diện:

Tên vùng trồng/cơ sở đóng gói:

Địa chỉ vùng trồng/cơ sở đóng gói:

Tên sản phẩm cây trồng:

Diện tích:

Mã số vùng trồng/mã số cơ sở đóng gói:

Điều 2.(Tên tổ chức, cá nhân đại diện) có trách nhiệm tự giám sát định kỳ hàng năm trước mỗi vụ thu hoạch hoặc vụ xuất khẩu. Trường hợp không thực hiện tự giám sát, mã số đã cấp sẽ bị thu hồi.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

-;

- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, đóng dấu)

(1) Lãnh đạo đơn vị thuộc cơ quan có thẩm quyền được giao nhiệm vụ thẩm định hồ sơ mã số vùng trồng/mã số cơ sở đóng gói.

2. Tên TTHC: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật. Mã TTHC 2.001427

(1) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính (nơi tổ chức, cá nhân đặt nhà máy sản xuất) bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- **Bước 2:** Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- **Bước 3:** Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực tế (có thành lập đoàn đánh giá và biên bản đánh giá điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 05 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- **Bước 4:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 07 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:
 - + Quầy số 14 - Số ĐT: 02733.993890 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;
 - + Quầy số 13 - Số ĐT: 02733.898962 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: Số 10, đường Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính;
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- a) Nộp trực tiếp;

- b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính;
- c) Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

- + Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.
- + Bản thuyết minh điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

(5) Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

(7) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: *cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính.*

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật *theo Mẫu số 07 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP* (Có giá trị trong thời hạn 05 năm).

(9) Phí, lệ phí:

Phí: 6.000.000 đồng/lần.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.
- Bản thuyết minh điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức sản xuất thuốc bảo vệ thực vật phải bảo đảm các điều kiện quy định tại Điều 61 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các điều kiện chi tiết sau:

- Người trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất có trình độ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành hóa học, bảo vệ thực vật, sinh học, nông học; người lao động trực tiếp sản xuất thuốc bảo vệ thực vật phải được huấn luyện an toàn về chuyên ngành hóa chất.
- Nhà xưởng, kho chứa thuốc bảo vệ thực vật phải được bố trí trong cụm công nghiệp, khu công nghiệp và đảm bảo yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.
- Thiết bị sản xuất hoạt chất, thuốc kỹ thuật, sản xuất thuốc thành phẩm từ thuốc kỹ thuật và đóng gói thuốc bảo vệ thực vật phải đáp ứng quy trình, công

nghệ sản xuất và đạt yêu cầu về an toàn theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 61 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013.
- Điều 2 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.
- Điều 3 Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm.
- Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 ngày 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;
- Điều 2 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.
- Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp.
- Điều 20 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.
- Bản thuyết minh điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 07 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

Phụ lục III*(Kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)*

Mẫu số 01

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày.....tháng.....năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN
 XUẤT THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi:(Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Đơn vị chủ quản:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:Email:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:.....

Điện thoại: Email:

Địa điểm nơi sản xuất thuốc bảo vệ thực vật:.....

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sốngày..... Nơi cấp.....

Đề nghị Quý cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật

Loại hình sản xuất:☐ Sản xuất hoạt chất☐ Sản xuất thuốc kỹ thuật☐ Sản xuất thành phẩm từ thuốc kỹ thuật ☐ Đóng gói**Hình thức:**☐ Cấp mới ☐ Cấp lại

Lý do cấp lại:

Hồ sơ gửi kèm:.....

Chúng tôi xin cam đoan thông tin trong đơn, tài liệu kèm theo là đúng sự thật và tuân thủ các quy định của pháp luật về thuốc bảo vệ thực vật.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ*(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)*

Mẫu số 02

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂN ĐỀ NGHỊ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm

Số:.....

**BẢN THUYẾT MINH
ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi:(Tên cơ quan có thẩm quyền)

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**1. Đơn vị chủ quản:**.....

Địa chỉ:

Điện thoại:E-mail:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại:E-mail:

3. Tên người đại diện (người trực tiếp quản lý sản xuất):

Địa chỉ:

Điện thoại: E-mail:

4. Trạm cấp cứu gần nhất:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

5. Đơn vị cứu hỏa gần nhất (km): Địa

chỉ:

Điện thoại:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

6. Đồn cảnh sát gần nhất:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

7. Tên khu dân cư gần nhất:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

8. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư về hoạt động sản xuất thuốc bảo vệ thực vật:**9. Loại hình hoạt động**

- 10.** - DN nhà nước
- DN liên doanh với nước ngoài
- DN tư nhân

☐
☐
☐

- DN 100% vốn nước ngoài
- DN cổ phần
- Khác: (ghi rõ loại hình)

☐
☐
☐
Loại hình sản xuấtSản xuất hoạt chất ☐Sản xuất thành phẩm từ thuốc kỹ thuật ☐Sản xuất thuốc kỹ thuật ☐Đóng gói ☐

11. Công suất thiết kế:

II. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT

1. Nhà xưởng, trang thiết bị:

- Sơ đồ tổng thể mặt bằng sản xuất (*bản vẽ kèm theo*) ☐
- Sơ đồ bố trí các thiết bị sản xuất chính (*bản vẽ kèm theo*) ☐
- Sơ đồ bố trí kho thuốc (*bản vẽ kèm theo*) ☐
- Diện tích khu vực sản xuất (m²):
- + Khu vực sản xuất: chiều dài (m): chiều rộng (m):
- + Khu vực kho: chiều dài (m): chiều rộng (m): chiều cao:
- + Khu vực kiểm tra chất lượng: chiều dài (m): chiều rộng (m):

* Trường hợp có nhiều khu vực sản xuất, kho thì liệt kê.

2. Quy trình sản xuất thuốc bảo vệ thực vật

STT	Dạng thành phẩm	Tên thương phẩm (nếu có)	Hoạt chất (ghi rõ thành phần, hàm lượng)	Mã số quy trình	Ghi chú
I. Sản xuất hoạt chất, thuốc kỹ thuật					
1					<i>Quy trình kèm theo</i>
2					
...	...				
II. Sản xuất thành phẩm từ thuốc kỹ thuật					
1					<i>Quy trình kèm theo</i>
2					
...	...				
III. Đóng gói					
1	EC				
2	SC				
...	...				

Quy trình sản xuất được xây dựng cho mỗi sản phẩm, mỗi cỡ lô sản xuất và được phê duyệt bởi người có thẩm quyền của cơ sở. Quy trình cần có các thông tin: tên sản phẩm, mã số của quy trình, mục đích, định mức sản xuất (danh mục nguyên liệu và phụ gia, định lượng của từng loại, lượng thành phẩm dự kiến và giới hạn cho phép, hao hụt), địa điểm, thiết bị sử dụng chủ yếu, các bước tiến hành (ví dụ: kiểm tra nguyên liệu, trình tự thêm các nguyên vật liệu, thời gian, tốc độ nhiệt độ trộn...), kiểm tra chất lượng và các giới hạn tương ứng, ghi chép nhật ký, nhập kho, bảo quản, bao bì, nhãn mác, vệ sinh, các điểm phải lưu ý.

3. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/chất bổ sung

4. Dây chuyền, thiết bị sản xuất chính

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

5. Hệ thống phụ trợ

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

6. Nhân lực

Sơ đồ tổ chức bộ máy liên quan trực tiếp đến sản xuất: (bản vẽ kèm theo) ☐

Danh sách nhân sự (bao gồm cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ kỹ thuật, nhân viên có liên quan trực tiếp đến sản xuất, bảo quản và vận chuyển, hóa chất nguy hiểm):

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nam/ Nữ	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Chức vụ, chức danh	Những khóa đào tạo đã tham gia	Điều kiện sức khỏe	Ghi chú
1								
...								

Trong đó:

- Người trực tiếp quản lý, điều hành cơ sở sản xuất phải có trình độ đại học chuyên ngành hóa học, bảo vệ thực vật, sinh học, nông học;

- Người trực tiếp sản xuất phải được huấn luyện về an toàn chuyên ngành hóa chất.

7. Nguồn nước

Nước công cộng ☐

Nước giếng khoan ☐

8. Hệ thống xử lý chất thải

Nước thải: ☐ Có ☐ Không

Khí thải: ☐ Có ☐ Không

Chất thải rắn: (bao gồm cả cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý)

9. Trang thiết bị bảo hộ lao động:

10. Trang thiết bị phòng chống cháy nổ:

11. Những thông tin khác:

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)

Mẫu số 05**TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /.....

.....,ngày ... tháng năm ...

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ
ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày tháng năm 20... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;

Căn cứ Quyết định số.....ngày.....
thành lập Đoàn đánh giá.

của (Tên cơ quan có thẩm quyền) về việc

Hôm nay, ngày.....tại Địa chỉ:

Chúng tôi gồm:

Đại diện Đoàn đánh giá:

1. Ông/Bà:.....,Chức vụ:

2. Ông/Bà:, Chức vụ:

3. Ông/Bà:, Chức vụ:

Đại diện cơ sở sản xuất thuốc bảo vệ thực vật:

1. Ông/Bà:.....,Chức vụ:

2. Ông/Bà:, Chức vụ:

I. Nội dung đánh giá**II. Loại hình sản xuất**

☐ Sản xuất hoạt chất

☐ Sản xuất thành phẩm từ thuốc kỹ thuật

☐ Sản xuất thuốc kỹ thuật

☐ Đóng gói

III. Số dạng sản phẩm đề nghị**IV. Kết quả đánh giá:.....****V. Kiến nghị của Đoàn đánh giá:****VI. Kết luận của Đoàn đánh giá:.....**

.....

VII. Ý kiến của cơ sở:.....

.....

Biên bản đã được đọc lại cho Đoàn đánh giá, đại diện cơ sở cùng nghe và thống nhất ký tên vào biên bản. Biên bản được lập thành 02 bản, có giá trị pháp lý ngang nhau. Đoàn đánh giá giữ 01 bản và 01 bản lưu tại cơ sở làm căn cứ thi hành.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐÁNH GIÁ

Mẫu số 07

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/CNSXT

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

(Tên cơ quan có thẩm quyền)... CHỨNG NHẬN:

Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: E-mail:

Tên đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Điện thoại: E-mail:

ĐỦ ĐIỀU KIỆN:

1. Sản xuất hoạt chất, thuốc kỹ thuật (chi tiết tại Phụ lục I)
2. Sản xuất thành phẩm thuốc bảo vệ thực vật từ thuốc kỹ thuật các dạng (chi tiết tại Phụ lục II)
3. Đóng gói thuốc bảo vệ thực vật các dạng

Giấy chứng nhận này có giá trị đến ngày ... tháng ... năm ...

..., ngày tháng năm ...
CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
(Ký, đóng dấu, ký số)

3. Tên TTHC: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật. Mã TTHC - 1.002560

(1) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính (nơi tổ chức, cá nhân đặt nhà máy sản xuất) bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

Trước 03 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật hết hạn, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sản xuất thuốc bảo vệ thực vật phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật.

- **Bước 2:** Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- **Bước 3:** Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực tế (có thành lập đoàn đánh giá và biên bản đánh giá điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 05 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- **Bước 4:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 07 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP; trường hợp không cấp lại, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:
 - + Quầy số 14 - Số ĐT: 02733.993890 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;
 - + Quầy số 13 - Số ĐT: 02733.898962 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: Số 10, đường Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính;
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- a) Nộp trực tiếp;
- b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính;
- c) Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

- Bản thuyết minh điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

(5) Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

(7) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: *Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính.*

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 07 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận là 05 năm.

(9) Phí, lệ phí:

Phí thẩm định: 6.000.000 đồng/lần.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

- Bản thuyết minh điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức sản xuất thuốc bảo vệ thực vật phải bảo đảm các điều kiện quy định tại Điều 61 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các điều kiện chi tiết sau:

- Người trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất có trình độ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành hóa học, bảo vệ thực vật, sinh học, nông học; người lao động trực tiếp sản xuất thuốc bảo vệ thực vật phải được huấn luyện an toàn về chuyên ngành hóa chất.

- Nhà xưởng, kho chứa thuốc bảo vệ thực vật phải được bố trí trong cụm công nghiệp, khu công nghiệp và đảm bảo yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

- Thiết bị sản xuất hoạt chất, thuốc kỹ thuật, sản xuất thuốc thành phẩm từ thuốc kỹ thuật và đóng gói thuốc bảo vệ thực vật phải đáp ứng quy trình, công nghệ sản xuất và đạt yêu cầu về an toàn theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 61 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013.

- Điều 2 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Điều 3 Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm.

- Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 ngày 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Điều 2 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp.

- Điều 20 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

- Bản thuyết minh điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 07 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

Phụ lục III*(Kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)*

Mẫu số 01

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày.....tháng.....năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN
 XUẤT THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi:(Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Đơn vị chủ quản:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:Email:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:.....

Điện thoại: Email:

Địa điểm nơi sản xuất thuốc bảo vệ thực vật:.....

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sốngày..... Nơi cấp.....

**Đề nghị Quý cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực
 vật**

Loại hình sản xuất:☐ Sản xuất hoạt chất☐ Sản xuất thuốc kỹ thuật☐ Sản xuất thành phẩm từ thuốc kỹ thuật ☐ Đóng gói**Hình thức:**☐ Cấp mới ☐ Cấp lại

Lý do cấp lại:

Hồ sơ gửi kèm:.....

Chúng tôi xin cam đoan thông tin trong đơn, tài liệu kèm theo là đúng sự thật và tuân
 thủ các quy định của pháp luật về thuốc bảo vệ thực vật.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ*(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)*

Mẫu số 02

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂN ĐỀ NGHỊ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....
....., ngày.....tháng.....năm

BẢN THUYẾT MINH
ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Kính gửi:(Tên cơ quan có thẩm quyền)

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Đơn vị chủ quản:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:E-mail:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại:E-mail:

3. Tên người đại diện (người trực tiếp quản lý sản xuất):

Địa chỉ:

Điện thoại: E-mail:

4. Trạm cấp cứu gần nhất:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

5. Đơn vị cứu hỏa gần nhất (km):

Địa chỉ:

Điện thoại:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

6. Đồn cảnh sát gần nhất:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

7. Tên khu dân cư gần nhất:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

8. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư về hoạt động sản xuất thuốc bảo vệ thực vật:

9. Loại hình hoạt động

- DN nhà nước

☐

- DN 100% vốn nước ngoài

☐

- DN liên doanh với nước ngoài

☐

- DN cổ phần

☐

- DN tư nhân

☐

- Khác: (ghi rõ loại hình)

☐

.....

10. Loại hình sản xuất

Sản xuất hoạt chất

☐

Sản xuất thành phẩm từ thuốc kỹ thuật

☐

Sản xuất thuốc kỹ thuật

☐

Đóng gói

☐

11. Công suất thiết kế:

II. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT

1. Nhà xưởng, trang thiết bị:

- Sơ đồ tổng thể mặt bằng sản xuất (*bản vẽ kèm theo*) ☐
- Sơ đồ bố trí các thiết bị sản xuất chính (*bản vẽ kèm theo*) ☐
- Sơ đồ bố trí kho thuốc (*bản vẽ kèm theo*) ☐
- Diện tích khu vực sản xuất (m²):
- + Khu vực sản xuất: chiều dài (m): chiều rộng (m):
- + Khu vực kho: chiều dài (m): chiều rộng (m): chiều cao:
- + Khu vực kiểm tra chất lượng: chiều dài (m): chiều rộng (m):

* Trường hợp có nhiều khu vực sản xuất, kho thì liệt kê.

2. Quy trình sản xuất thuốc bảo vệ thực vật

STT	Dạng thành phẩm	Tên thương phẩm (nếu có)	Hoạt chất (ghi rõ thành phần, hàm lượng)	Mã số quy trình	Ghi chú
I. Sản xuất hoạt chất, thuốc kỹ thuật					
1					<i>Quy trình kèm theo</i>
2					
...	...				
II. Sản xuất thành phẩm từ thuốc kỹ thuật					
1					<i>Quy trình kèm theo</i>
2					
...	...				
III. Đóng gói					
1	EC				
2	SC				
...	...				

Quy trình sản xuất được xây dựng cho mỗi sản phẩm, mỗi cỡ lô sản xuất và được phê duyệt bởi người có thẩm quyền của cơ sở. Quy trình cần có các thông tin: tên sản phẩm, mã số của quy trình, mục đích, định mức sản xuất (danh mục nguyên liệu và phụ gia, định lượng của từng loại, lượng thành phẩm dự kiến và giới hạn cho phép, hao hụt), địa điểm, thiết bị sử dụng chủ yếu, các bước tiến hành (ví dụ: kiểm tra nguyên liệu, trình tự thêm các nguyên vật liệu, thời gian, tốc độ nhiệt độ trộn...), kiểm tra chất lượng và các giới hạn tương ứng, ghi chép nhật ký, nhập kho, bảo quản, bao bì, nhãn mác, vệ sinh, các điểm phải lưu ý.

3. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/chất bổ sung

.....

4. Dây chuyền, thiết bị sản xuất chính

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

5. Hệ thống phụ trợ

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

6. Nhân lực

Sơ đồ tổ chức bộ máy liên quan trực tiếp đến sản xuất: (bản vẽ kèm theo) ☐

Danh sách nhân sự (bao gồm cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ kỹ thuật, nhân viên có liên quan trực tiếp đến sản xuất, bảo quản và vận chuyển, hóa chất nguy hiểm):

TT	Họ và tên	Năm sinh	Nam/ Nữ	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Chức vụ, chức danh	Những khóa đào tạo đã tham gia	Điều kiện sức khỏe	Ghi chú
1								
...								

Trong đó:

- Người trực tiếp quản lý, điều hành cơ sở sản xuất phải có trình độ đại học chuyên ngành hóa học, bảo vệ thực vật, sinh học, nông học;

- Người trực tiếp sản xuất phải được huấn luyện về an toàn chuyên ngành hóa chất.

7. Nguồn nước

Nước công cộng ☐

Nước giếng khoan ☐

8. Hệ thống xử lý chất thải

Nước thải: ☐ Có ☐ Không

Khí thải: ☐ Có ☐ Không

Chất thải rắn: (bao gồm cả cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý)

9. Trang thiết bị bảo hộ lao động:

10. Trang thiết bị phòng chống cháy nổ:

11. Những thông tin khác:

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)

Mẫu số 05

TÊN CƠ QUAN CÓ
THẨM QUYỀNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng năm ...

Số: /.....

**BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ
ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT***Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;**Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 20... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;**Căn cứ Quyết định số.....ngày.....*
*thành lập Đoàn đánh giá.**của (Tên cơ quan có thẩm quyền) về việc*

Hôm nay, ngày.....tại

Địa chỉ:

Chúng tôi gồm:

Đại diện Đoàn đánh giá:

1. Ông/Bà:....., Chức vụ:

2. Ông/Bà:, Chức vụ:

3. Ông/Bà:, Chức vụ:

Đại diện cơ sở sản xuất thuốc bảo vệ thực vật:

1. Ông/Bà:....., Chức vụ:

2. Ông/Bà:, Chức vụ:

I. Nội dung đánh giá

.....

II. Loại hình sản xuất☐ Sản xuất hoạt chất☐ Sản xuất thành phẩm từ thuốc kỹ thuật☐ Sản xuất thuốc kỹ thuật☐ Đóng gói**III. Số dạng sản phẩm đề nghị**

.....

IV. Kết quả đánh giá:.....

.....

.....

.....

V. Kiến nghị của Đoàn đánh giá:

.....

.....

.....

VI. Kết luận của Đoàn đánh giá:.....

.....

.....

.....

.....

VII. Ý kiến của cơ sở:.....

.....

.....

Biên bản đã được đọc lại cho Đoàn đánh giá, đại diện cơ sở cùng nghe và thống nhất ký tên vào biên bản. Biên bản được lập thành 02 bản, có giá trị pháp lý ngang nhau. Đoàn đánh giá giữ 01 bản và 01 bản lưu tại cơ sở làm căn cứ thi hành.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐÁNH GIÁ

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/CNSXT

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

(Tên cơ quan có thẩm quyền)... CHỨNG NHẬN:

Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: E-mail:

Tên đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Điện thoại: E-mail:

ĐỦ ĐIỀU KIỆN:

4. Sản xuất hoạt chất, thuốc kỹ thuật (chi tiết tại Phụ lục I)
5. Sản xuất thành phẩm thuốc bảo vệ thực vật từ thuốc kỹ thuật các dạng (chi tiết tại Phụ lục II)
6. Đóng gói thuốc bảo vệ thực vật các dạng

Giấy chứng nhận này có giá trị đến ngày ... tháng ... năm ...

..., ngày tháng năm ...
CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
 (Ký, đóng dấu, ký số)

(Theo Quyết định số 5891/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

4. Tên TTHC: Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu. Mã TTHC - 1.003395

(1) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu đến Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Bước 2: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản.

- Bước 3: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính phải kiểm tra hồ sơ lô hàng.

- Bước 4: Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Thông báo kết quả kiểm tra thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu hoặc Giấy chứng nhận theo yêu cầu của nước nhập khẩu.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 14 - Số ĐT: 02733.993890 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;

+ Quầy số 13 - Số ĐT: 02733.898962 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: Số 10, đường Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp;

- b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính;
- c) Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

- + Giấy đăng ký kiểm tra thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu (theo Mẫu số 39 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT);
- + Một trong các giấy tờ sau (chỉ nộp khi đăng ký kiểm tra lần đầu):

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

Giấy chứng nhận Thực hành nông nghiệp tốt (GAP), Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (ISO 22000), Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc tương đương đối với cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm (sau đây gọi là Nghị định số 15/2018/NĐ-CP);

Bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn đối với cơ sở quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP (theo Mẫu số 40 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT).

- + Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm đối với sản phẩm quy định tại Điều 6 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP trong lô hàng gồm nhiều mặt hàng thuộc thẩm quyền quản lý của từ hai bộ trở lên quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

(5) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

(7) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông báo kết quả kiểm tra thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu (theo Mẫu số 41 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT hoặc theo yêu cầu của nước nhập khẩu).

(9) Phí, lệ phí: Không.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đăng ký kiểm tra thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu (theo Mẫu số 39 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT).

- Bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn đối với cơ sở quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP (theo Mẫu số 40 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT).

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 42 Luật An toàn thực phẩm năm 2010.

- Điều 23 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 02/02/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

- Thông tư số 44/2018/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu;

- Điều 24 Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Điều 2 Thông tư số 77/2025/TT-BNNMT ngày 29/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bãi bỏ các thông tư do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành và Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

- Giấy đăng ký kiểm tra thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu (theo Mẫu số 39 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT);

- Một trong các giấy tờ sau (chỉ nộp khi đăng ký kiểm tra lần đầu):

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

Giấy chứng nhận Thực hành nông nghiệp tốt (GAP), Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (ISO 22000), Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc tương đương đối với cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm (sau đây gọi là Nghị định số 15/2018/NĐ-CP);

Bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn đối với cơ sở quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP (theo Mẫu số 40 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT).

- Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm đối với sản phẩm quy định tại Điều 6 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP trong lô hàng gồm nhiều mặt hàng thuộc thẩm quyền quản lý của từ hai bộ trở lên quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Thông báo kết quả kiểm tra thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu (theo Mẫu số 41 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA THỰC PHẨM CÓ NGUỒN GỐC THỰC VẬT
XUẤT KHẨU

Lần thứ:

Kính gửi:..... [Tên Cơ quan kiểm tra]

I. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ SẢN XUẤT

1. Tên tổ chức/cá nhân:

Số CMND/CCCD/Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

.....

Ngày cấp:nơi cấp

Địa chỉ:

Số điện thoại:

E-mail:

(Nếu có nhiều cơ sở sản xuất thì tiếp tục kê khai như mục I.1 cho các cơ sở tiếp theo)

II. THÔNG TIN SẢN PHẨM

1. Tên sản phẩm (ghi cả tên khoa học hoặc mã HS):

Nhãn hiệu:

Quy cách đóng gói:

Số lượng bao gói:

Khối lượng tịnh:

Ngày đóng gói:

Nguồn gốc xuất xứ:

(Nếu có nhiều sản phẩm thì tiếp tục kê khai như mục II.1 cho các sản phẩm tiếp theo)

III. THÔNG TIN THƯƠNG MẠI

1. Nhà nhập khẩu

Tên nhà nhập khẩu:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

E-mail:

2. Nhà xuất khẩu

Tên nhà xuất khẩu:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

E-mail:

3. Nơi hàng đi:

4. Nơi hàng đến:

5. Phương tiện vận chuyển (ghi cả số hiệu hoặc tên của phương tiện):

Để đáp ứng yêu cầu của nước nhập khẩu, [Tên tổ chức/cá nhân] đề nghị [Tên Cơ quan kiểm tra] kiểm tra đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật nêu tại mục II của đơn này.

Các giấy tờ kèm theo (đề nghị đánh dấu ✓ nếu có):

Loại giấy tờ	Có (✓)	Ngày hết hiệu lực
Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm		
Giấy chứng nhận: Thực hành nông nghiệp tốt (GAP), [Ghi cụ thể Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích loại giấy] mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (ISO 22000), Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc tương đương		
Bản cam kết sản xuất thực phẩm an toàn theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT.		
Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm quy định tại Điều 6 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.		

Tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các thông tin đã kê khai và của các tài liệu trong hồ sơ.

..... ngàythángnăm....

(Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của tổ chức ký và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

BẢN CAM KẾT

Sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

Tôi là:,

Số chứng minh thư hoặc thẻ căn cước hoặc mã số định danh công dân:

.....

Ngày cấp: Nơi cấp:

Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh:

Địa điểm sản xuất, kinh doanh:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại: , Fax: E-mail

.....

Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:

Nơi tiêu thụ sản phẩm:

Tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành trong:

Trồng trọt ☐

Chăn nuôi ☐

Nuôi trồng thủy sản ☐

Khai thác, sản xuất muối ☐

Thu hái, đánh bắt, khai thác nông lâm thủy sản ☐

Sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định ☐

Sơ chế nhỏ lẻ ☐

Kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản nhỏ lẻ, kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn ☐

Nếu có vi phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bản cam kết này được làm thành 02 bản có giá trị như nhau, cơ quan quản lý giữ 01 bản, cơ sở giữ 01 bản.

Xác nhận của Cơ quan tiếp nhận bản cam kết

(Ký tên, đóng dấu)

Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh

(Ký, ghi rõ họ tên)

**MẪU THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA THỰC PHẨM
CÓ NGUỒN GỐC THỰC VẬT XUẤT KHẨU**

[TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA...]	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc INDEPENDENCE- FREEDOM - HAPPINESS
THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA THỰC PHẨM CÓ NGUỒN GỐC THỰC VẬT XUẤT KHẨU INSPECTION RESULT for food of plant origin intended for export	
Số (No.):	
I. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ SẢN XUẤT/INFORMATION OF MANUFACTURER	
Tên, địa chỉ nhà sản xuất/Name and address of the manufacturer	
II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM/INFORMATION OF PRODUCT	
Mô tả sản phẩm (ghi cả tên khoa học hoặc mã HS, nếu có)/ Description of product (Product name, scientific name or HS code, if any)	
Quy cách đóng gói/ Type of packaging	
Số lượng bao gói/Number of packages	
Khối lượng tịnh/ Net weight	
Ngày đóng gói/ Packaging date	
Nguồn gốc xuất xứ/ Origin	
III. THÔNG TIN VỀ THƯƠNG MẠI/ TRADE INFORMATION	
1. Tên, địa chỉ nhà nhập khẩu/Name and address of importer	
2. Tên nhà xuất khẩu/ Name and address of the exporter	
3. Nơi hàng đi/ Place of dispatch	
4. Nơi hàng đến/ Place of destination	
5. Phương tiện vận chuyển (ghi cả số hiệu, tên phương tiện)/ Means of transport (identification, document)	
IV. KẾT QUẢ/ RESULTS	

☐ Đạt các yêu cầu dưới đây/ Meet the following requirements

☐ Không đạt các yêu cầu dưới đây/ Not meet the following requirements

1. Thực phẩm nguồn gốc thực vật được xuất từ cơ sở được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, chứng nhận/ The above plant origin product(s) come(s) from (an) establishments(s) under the supervision of competent authority.

2. Sản phẩm được sản xuất, đóng gói, lưu giữ và vận chuyển bảo đảm an toàn thực phẩm dưới sự giám sát của cơ quan có thẩm quyền/ The product(s) described above was/were produced, packed, stored and transported under sanitary condition, which were under the supervision of competent authority.

Nơi phát hành/Place of issue:	Ngày phát hành/ Date of issue:
Dấu của Cơ quan có thẩm quyền/ Stamp of Competent Authority	Tên, chữ ký cán bộ có thẩm quyền/Name, Signature of Authorized Officer

(Theo Quyết định số 278/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

5. Tên TTHC: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật. Mã TTHC - 1.004363

(1) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính (nơi tổ chức, cá nhân đặt trụ sở) bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính

Bước 2: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực tế (có thành lập đoàn đánh giá và biên bản đánh giá điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 06 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Bước 4: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 08 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(2) Địa điểm thực hiện

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 14 - Số ĐT: 02733.993890 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;

+ Quầy số 13 - Số ĐT: 02733.898962- Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: Số 10, đường Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện

- a) Nộp trực tiếp;
- b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính;
- c) Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.
- Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

(5) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 08 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

Thời hạn của Giấy chứng nhận: 05 năm

(9) Lệ phí, phí (nếu có):

Phí 800.000 đồng/lần

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

- Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Tổ chức, cá nhân buôn bán thuốc bảo vệ thực vật phải bảo đảm các điều kiện quy định tại Điều 63 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các điều kiện chi tiết sau:

a) Người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật phải có trình độ trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, hóa học, sinh học, nông học hoặc có Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật;

b) Địa điểm cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật tách biệt với khu vực dịch vụ ăn uống, trường học, bệnh viện;

c) Kho chứa thuốc bảo vệ thực vật

Đối với cơ sở bán buôn, kho chứa thuốc bảo vệ thực vật phải đảm bảo yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

Đối với cơ sở bán lẻ, khu vực chứa thuốc bảo vệ thực vật phải có kệ kê hàng cao tối thiểu 10 cm so với mặt sàn, cách tường tối thiểu 20 cm.

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 63, Điều 66 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013
- Điều 2 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.
- Điều 4 Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm
- Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 ngày 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.
- Điều 3 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.
- Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp
- Điều 20 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP
- Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 08 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP

Phụ lục III

(Kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 03

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày.....tháng.....năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN
THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi:(Tên cơ quan có thẩm quyền).

1. Đơn vị chủ quản:.....

Địa chỉ:

Điện thoại: E-mail:

2. Tên cơ sở:.....

Địa chỉ:

Điện thoại: E-mail:

Địa điểm buôn bán thuốc bảo vệ thực vật:

Địa điểm chứa thuốc bảo vệ thực vật:

3. Tên người đứng đầu cơ sở:

Số căn cước công dân:.....Ngày cấp.....Nơi cấp..... Địa chỉ :.....

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....

Đề nghị Quý cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật**Loại hình buôn bán:**☐ Cơ sở có cửa hàng☐ Cơ sở không có cửa hàng**Hình thức:**☐ Cấp mới☐ Cấp lại

Lý do cấp lại:

Hồ sơ gửi kèm:.....

Chúng tôi xin cam đoan thông tin trong đơn, tài liệu kèm theo là đúng sự thật và tuân thủ các quy định của pháp luật về thuốc bảo vệ thực vật.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)

Mẫu số 04

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ**

Số:.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm

**BẢN THUYẾT MINH
ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi:.....(Tên cơ quan có thẩm quyền).

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Điện thoại:E-mail:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại:E-mail:

3. Loại hình hoạt động

- | | | | |
|--------------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------|
| - DN nhà nước | ☐ | - DN cổ phần | ☐ |
| - DN liên doanh với nước ngoài | ☐ | - Hộ buôn bán | ☐ |
| - DN tư nhân | ☐ | - Khác: (ghi rõ loại hình) | ☐ |
| - DN 100% vốn nước ngoài | ☐ | | |

4. Năm bắt đầu hoạt động:

5. Số đăng ký/ngày cấp/cơ quan cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

.....

II. THÔNG TIN VỀ HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN

1. Cửa hàng (áp dụng đối với cơ sở có cửa hàng)

- Diện tích cửa hàng m²
- Diện tích/công suất khu vực chứa/kho chứa hàng hóa: m² hoặc tấn
- Danh mục các trang thiết bị bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ:

2. Nhân lực:

Danh sách nhân lực, trong đó:

- Người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật có trình độ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học, nông học hoặc Giấy chứng nhận bồi dưỡng

chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật (Ghi rõ tên loại văn bằng, giấy chứng nhận; ngày cấp; thời hạn hiệu lực; tên cơ quan cấp; tên người được cấp).

- Những thông tin khác.

3. Nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật

☐ Có (tiếp tục khai báo mục 3.1)

☐ Không (tiếp tục khai báo mục 3.2)

3.1. Nếu có, cung cấp các thông tin sau:

Nơi chứa thuốc: từ 5.000 kg trở lên ☐ dưới 5.000 kg ☐

Kích thước kho: chiều dài (m): chiều rộng (m): chiều cao:

Thông tin về nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:

a) Tên người đại diện:

.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:

b) Trạm cấp cứu gần nhất:

.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

c) Đơn vị cứu hỏa gần nhất (km):

.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

d) Đồn cảnh sát gần nhất:

.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

đ) Tên khu dân cư gần nhất:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

3.2. Nếu không có kho riêng, nêu tên những đơn vị mà cơ sở có hợp đồng thuê kho (kèm hợp đồng thuê kho):.....

.....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN
(Ký tên, đóng dấu nếu có)

Mẫu số 06

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../.....

....., ngày.....tháng... năm

**BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO
VỆ THỰC VẬT**

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;

Căn cứ Quyết định số.....ngày..... của (Tên cơ quan có thẩm quyền) về việc thành lập Đoàn đánh giá.

Hôm nay ngày.....tại Địa
chỉ :

Chúng tôi gồm:

Đại diện Đoàn đánh giá:

1. Ông/Bà:, Chức vụ:

.....

2. Ông/Bà:, Chức vụ: .

.....

Đại diện cơ sở buôn bán thuốc bảo vệ thực vật:

1. Ông/Bà:, Chức vụ:

.....

2. Ông/Bà:, Chức vụ:

.....

Tiến hành đánh giá điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật của cơ sở.....

I. Nội dung, kết quả đánh giá:

.....

.....

II. Kết luận của Đoàn đánh**giá:**.....

.....

.....

.....

.....

.....

III. Kiến nghị của Đoàn đánh giá:

.....

.....

.....

.....

IV. Ý kiến của cơ sở:

.....

.....

.....

.....

.....

Biên bản đã được đọc lại cho Đoàn đánh giá, đại diện cơ sở cùng nghe và thống nhất ký

tên vào biên bản. Biên bản được lập thành 02 bản, có giá trị pháp lý ngang nhau. Đoàn đánh giá giữ 01 bản và 01 bản lưu tại cơ sở làm căn cứ thi hành.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐÁNH GIÁ

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

Mẫu số 08

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh PhúcGIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT
Số:.....

Tên cơ sở:
 Địa chỉ:..... Điện thoại:
 Email:
 Tên đơn vị chủ quản:
 Địa chỉ:
 Điện thoại: Email:
hoặc
 Chủ cơ sở:
 Số căn cước công dân số: Ngày cấp: Nơi cấp:
 Địa chỉ thường trú:.....
 Điện thoại: Email:.....
 Địa điểm cửa hàng buôn bán:

Được công nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày.....tháng....năm....

....., ngày ... tháng ... năm ...
CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
 (Ký, đóng dấu/chữ ký số)

6. Tên TTHC: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật. Mã TTHC - 1.004346

(1) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính (nơi tổ chức, cá nhân đặt trụ sở) bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính

Trước 03 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn, nếu tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục buôn bán thuốc bảo vệ thực vật phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

- Bước 2: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính

- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực tế (có thành lập đoàn đánh giá và biên bản đánh giá điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 06 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bước 4: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 08 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP; trường hợp không cấp lại, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(2) Địa điểm thực hiện

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 14 – Số ĐT: 02733.993890- Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;

+ Quầy số 13 – Số ĐT: 02733.898962- Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: Số 10, đường Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu

chính công ích;

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- a) Nộp trực tiếp;
- b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính;
- c) Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

- Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

(5) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 08 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP

Thời hạn của Giấy chứng nhận: 05 năm

(9) Lệ phí, phí (nếu có):

Phí: 800.000 đồng/lần

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP

- Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Tổ chức, cá nhân buôn bán thuốc bảo vệ thực vật phải bảo đảm các điều kiện quy định tại Điều 63 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các điều kiện chi tiết sau:

a) Người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật phải có trình độ trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, hóa học, sinh học, nông

học hoặc có Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật;

b) Địa điểm cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật tách biệt với khu vực dịch vụ ăn uống, trường học, bệnh viện;

c) Kho chứa thuốc bảo vệ thực vật

Đối với cơ sở bán buôn, kho chứa thuốc bảo vệ thực vật phải đảm bảo yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

Đối với cơ sở bán lẻ, khu vực chứa thuốc bảo vệ thực vật phải có kệ kê hàng cao tối thiểu 10 cm so với mặt sàn, cách tường tối thiểu 20 cm.

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 63, Điều 66 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013

- Điều 2 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Điều 4 Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm

- Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 ngày 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp

- Điều 3 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp

- Điều 20 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP

- Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 08 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP

Phụ lục III*(Kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)*

Mẫu số 03

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ
NGHỊ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày.....tháng.....năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ
ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi:.....(Tên cơ quan có thẩm quyền).

1.Đơn vị chủ quản:.....

Địa chỉ:

Điện thoại: E-mail:

2. Tên cơ sở:.....

Địa chỉ:

Điện thoại: E-mail:

Địa điểm buôn bán thuốc bảo vệ thực vật:

Địa điểm chứa thuốc bảo vệ thực vật:

3. Tên người đứng đầu cơ sở:

Số căn cước công dân:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....

Địa chỉ :.....

4.Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....Ngày cấpNơi cấp....

***Đề nghị Quý cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ
thực vật*****Loại hình buôn bán:**☐ Cơ sở có cửa hàng☐ Cơ sở không có cửa hàng**Hình thức:**☐ Cấp mới☐ Cấp lại

Lý do cấp lại:

Hồ sơ gửi kèm:.....

Chúng tôi xin cam đoan thông tin trong đơn, tài liệu kèm theo là
đúng sự thật và tuân thủ các quy định của pháp luật về thuốc bảo vệ thực
vật.**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ***(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)*

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂN ĐỀ NGHỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày.....tháng.....năm

**BẢN THUYẾT MINH
ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi:.....(Tên cơ quan có thẩm quyền).

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1.Đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Điện thoại:E-mail:

2.Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại:E-mail:

3.Loại hình hoạt động

- | | | | |
|--------------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------|
| - DN nhà nước | ☐ | - DN cổ phần | ☐ |
| - DN liên doanh với nước ngoài | ☐ | - Hộ buôn bán | ☐ |
| - DN tư nhân | ☐ | - Khác: (ghi rõ loại hình) | ☐ |
| - DN 100% vốn nước ngoài | ☐ | | |

4. Năm bắt đầu hoạt động:

5. Số đăng ký/ngày cấp/cơ quan cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.....

II. THÔNG TIN VỀ HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN

1.Cửa hàng (áp dụng đối với cơ sở có cửa hàng)

Diện tích cửa hàng m²

Diện tích/công suất khu vực chứa/kho chứa hàng hóa: m² hoặc:.....tấn

Danh mục các trang thiết bị bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ:

2. Nhân lực:

-Danh sách nhân lực, trong đó:

-Người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật có trình độ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học, nông học hoặc Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật (Ghi rõ tên loại văn bằng, giấy chứng nhận; ngày cấp; thời hạn hiệu lực; tên cơ quan cấp; tên người được cấp).

-Những thông tin khác.

3.Nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật☐ Có (tiếp tục khai báo mục 3.1)☐ Không (tiếp tục khai báo mục 3.2)**3.1 Nếu có, cung cấp các thông tin sau:**Nơi chứa thuốc: từ 5.000 kg trở lên ☐dưới 5.000 kg ☐

Kích thước kho: chiều dài (m): chiều rộng (m): chiều cao:

Thông tin về nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:

a) Tên người đại diện:

.....

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:..... E-mail:

b) Trạm cấp cứu gần nhất:

.....

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:.....

Khoảng cách đến cơ sở (km):

c) Đơn vị cứu hỏa gần nhất (km):

.....

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:.....

Khoảng cách đến cơ sở (km):

d) Đoàn cảnh sát gần nhất:

.....

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:.....

Khoảng cách đến cơ sở (km):

đ) Tên khu dân cư gần nhất:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

3.2 Nếu không có kho riêng, nêu tên những đơn vị mà cơ sở có hợp đồng thuê kho (kèm hợp đồng thuê kho):.....**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN***(Ký tên, đóng dấu nếu có)*

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../.....

.....,ngày.....tháng... năm

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;

Căn cứ Quyết định số.....ngày..... của (Tên cơ quan có thẩm quyền) về việc thành lập Đoàn đánh giá.

Hôm nay ngày.....tại

Địa chỉ :

Chúng tôi gồm:

Đại diện Đoàn đánh giá

1.Ông/Bà:, Chức vụ:

2.Ông/Bà:, Chức vụ:

Đại diện cơ sở buôn bán thuốc bảo vệ thực vật:

1.Ông/Bà:, Chức vụ:

2.Ông/Bà:, Chức vụ:

Tiến hành đánh giá điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật của cơ sở.....

I.Nội dung, kết quả đánh giá:

II.Kết luận của Đoàn đánh giá:.....

.....

.....

.....

.....

.....

III.Kiến nghị của Đoàn đánh giá:

.....

.....

.....

IV.Ý kiến của cơ sở:

.....

.....

Biên bản đã được đọc lại cho Đoàn đánh giá, đại diện cơ sở cùng nghe và thống nhất ký tên vào biên bản. Biên bản được lập thành 02 bản, có giá trị pháp lý ngang nhau. Đoàn đánh giá giữ 01 bản và 01 bản lưu tại cơ sở làm căn cứ thi hành.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐÁNH GIÁ

Mẫu số 08

**TÊN CƠ QUAN CÓ
THẨM QUYỀN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc****GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT
Số:.....**

Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

Tên đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

hoặc

Chủ cơ sở:

Số căn cước công dân số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:.....

Điện thoại: Email.....

Địa điểm cửa hàng buôn bán:

Được công nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày.....tháng....năm....

....., ngày ... tháng ... năm...
CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
Ký, đóng dấu/chữ ký số

7. Tên TTHC: Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật. Mã TTHC - 2.001236

(1) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp quyết định công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính (nơi tổ chức đặt trụ sở) bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Bước 2: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Bước 3: Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bước 4: Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét cấp Quyết định công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 11 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 14 - Số ĐT: 02733.993890 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;

+ Quầy số 13 - Số ĐT: 02733.898.962 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: Số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường.

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp;

b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính;

c) Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 09 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Quyết định thành lập hoặc quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ về lĩnh vực khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật.

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Bằng tốt nghiệp từ đại học trở lên thuộc lĩnh vực bảo vệ thực vật, trồng trọt, nông học, sinh học, hóa học và Giấy chứng nhận tập huấn khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật của người đứng đầu tổ chức thực hiện khảo nghiệm và người tham gia thực hiện.

+ Bản thuyết minh điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 10 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

(5) Thời hạn giải quyết: 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

(7) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 11 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

(9) Phí, lệ phí:

Phí 2.000.000 đồng/lần.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 09 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

- Bản thuyết minh điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 10 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật phải bảo đảm các điều kiện quy định tại Điều 59 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các điều kiện chi tiết sau:

- Người trực tiếp quản lý, điều hành tổ chức thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật có trình độ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành bảo vệ

thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học, nông học và có Giấy chứng nhận tập huấn khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật.

- Người lao động có trình độ chuyên môn thuộc chuyên ngành về bảo vệ thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học, nông học và đã được tập huấn về khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật.

- Có phương tiện, thiết bị quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 66/2016/NĐ-CP.

- Đối với tổ chức khảo nghiệm xác định thời gian cách ly thuốc bảo vệ thực vật phải có phòng thử nghiệm phân tích dư lượng đã được đăng ký, chỉ định theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Trường hợp không có phòng thử nghiệm thì phải có hợp đồng với phòng thử nghiệm phân tích dư lượng đã được đăng ký, chỉ định theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 59 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013.

- Điều 2 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Điều 6 Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm.

- Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 ngày 09 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;

- Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp.

- Điều 5 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Điều 20, Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

- Đơn đề nghị công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 09 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

- Bản thuyết minh điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 10 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Quyết định công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 11 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

Phụ lục III

(Kèm theo Nghị định số 33 /2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)
Mẫu số 09

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỔ CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN
 THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên tổ chức đề nghị công nhận:
2. Địa chỉ:
- Điện thoại: E-mail:
3. Quyết định thành lập/ (nếu có), Giấy đăng ký doanh nghiệp số...../.....
- Cơ quan cấp:cấp ngàytại.....

Đề nghị Quý cơ quan

CÔNG NHẬN TỔ CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM

Chúng tôi xin cam đoan lời khai trong đơn, tài liệu kèm theo là đúng sự thật và tuân thủ các quy định của pháp luật về khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật.

....., ngày..... tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH
ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Kính gửi:(Tên cơ quan có thẩm quyền)

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC

1. Tên tổ chức:

Địa chỉ:.....

Điện thoại: E-mail:

2. Tên người đại diện:

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:¹.....ngày

Nơi cấp:.....

4. Loại hình hoạt động:.....

II. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM

1. Nhân lực

Danh sách nhân viên (bao gồm cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ kỹ thuật, nhân viên có liên quan trực tiếp đến khảo nghiệm):

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nam/ Nữ	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Chức vụ, chức danh	Chứng nhận tập huấn (số, ngày/tháng/năm)	Ghi chú
1							
...							

2. Phương tiện, thiết bị phục vụ khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật

.....
.....
.....

3. Diện tích, cơ cấu, mùa vụ các loại cây trồng phổ biến trên địa bàn do tổ chức quản lý hoặc ký hợp đồng được sử dụng

STT	Cơ cấu các loại cây trồng chính	Diện tích (ha)	Mùa vụ	Sự xuất hiện các loài dịch hại
1	Cây lúa			

¹ Áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp

2	Cây ăn quả (vải, cam, xoài ...)			
3	Cây rau (cải bắp, dưa chuột, bầu bí ...)			
4	Cây trồng màu (đậu, lạc...)			
5	Cây công nghiệp (chè, cà phê, điều, cao su...)			
6	Cây trồng đặc thù			
	...			

4. Phòng thử nghiệm phân tích dư lượng thuốc bảo vệ thực vật

4.1. Phòng thử nghiệm đăng ký, chỉ định theo quy định của pháp luật: Đơn vị chỉ định:....., Quyết định chỉ định số ngày.....tháng.....năm.....

4.2. Danh sách phòng thử nghiệm ký hợp đồng nguyên tắc (*áp dụng đối với đơn vị không có phòng thử nghiệm được chỉ định*)

STT	Tên phòng thử nghiệm	Đơn vị chỉ định	Số Quyết định chỉ định	Thời hạn hiệu lực chỉ định
1				
.....				

....., ngày..... tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC KHẢO NGHIỆM

(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)

**TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-

....., ngày... tháng..... năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tổ chức khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật

(LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN)

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;

Căn cứ Quyết định số quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và

cơ cấu tổ chức của (Tên cơ quan có thẩm quyền);

Theo đề nghị của(1).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận..... ..(2) thuộc..... (tên đơn vị chủ quản, nếu có), địa chỉ..... là tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật.

Điều 2(2) có trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật về khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam và hướng dẫn của (tên cơ quan có thẩm quyền).

2. Duy trì các điều kiện đảm bảo hoạt động khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật trong suốt thời gian hoạt động.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Tổ chức có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT,.....

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)

(1) Lãnh đạo đơn vị thuộc cơ quan có thẩm quyền được giao nhiệm vụ thẩm định hồ sơ công nhận tổ chức khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật.

(2) Tên tổ chức khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật.

8. Tên TTHC: Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật. Mã TTHC - 1.003971

(1) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tiếp hoặc qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính

- Bước 2: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:
 - + Quầy số 14 - Số ĐT: 02733.993890 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;
 - + Quầy số 13 - Số ĐT: 02733.898.962 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: Số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính;
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- a) Nộp trực tiếp;
- b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính;
- c) Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ **Trường hợp 1:** Trường hợp nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật chưa có trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam để tạm

nhập, tái xuất hoặc nhập khẩu để sản xuất tại Việt Nam nhằm mục đích xuất khẩu theo hợp đồng đã ký với nước ngoài:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT;

Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Hợp đồng nhập khẩu, hợp đồng xuất khẩu hoặc hợp đồng gia công với đối tác nước ngoài;

Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) tại nước xuất khẩu (chỉ nộp lần đầu).

+ Trường hợp 2: Trường hợp nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật để xông hơi khử trùng chứa hoạt chất methyl bromide và các hoạt chất có độ độc cấp tính loại I, II theo Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS):

Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

Báo cáo tình hình nhập khẩu, sử dụng và mua bán methyl bromide đối với trường hợp nhập khẩu thuốc xông hơi khử trùng chứa hoạt chất methyl bromide theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

+ Trường hợp 3: Trường hợp nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật chưa có trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam để khảo nghiệm nhằm mục đích đăng ký thuốc bảo vệ thực vật, thử nghiệm, nghiên cứu:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

Phiếu an toàn hóa chất của thuốc mẫu khảo nghiệm, thử nghiệm.

Đề cương nghiên cứu về thuốc bảo vệ thực vật đề nghị nhập khẩu (đối với trường hợp nhập khẩu để nghiên cứu).

+ Trường hợp 4: Trường hợp nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật sử dụng trong các dự án của nước ngoài tại Việt Nam; thuốc bảo vệ thực vật làm hàng mẫu, hàng phục vụ triển lãm, hội chợ và sử dụng trong một số trường hợp đặc biệt theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

Bản sao có chứng thực hợp đồng nhập khẩu.

Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) tại nước xuất khẩu trong trường hợp nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật có hoạt chất chưa có trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam.

+ Trường hợp 5: Trường hợp nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam nhưng nhập khẩu để làm chất chuẩn:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

(5) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

(7) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật (theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT).

Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật có giá trị cho toàn bộ lô hàng ghi trong giấy phép và hiệu lực được ghi trong giấy phép theo từng loại thuốc, nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày cấp. Giấy phép nhập khẩu methyl bromide chỉ có hiệu lực trong năm cấp phép.

(9) Phí, lệ phí: Phí 1.000.000 đồng/lần

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

- Báo cáo tình hình nhập khẩu, sử dụng và mua bán methyl bromide đối với trường hợp nhập khẩu thuốc xông hơi khử trùng chứa hoạt chất methyl bromide theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Việc nhập khẩu và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có chứa hoạt chất methyl bromide phải tuân thủ theo Nghị định thư Montreal (Nghị định thư về các chất làm suy giảm tầng ôzôn):

- Chỉ được nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật có chứa hoạt chất methyl bromide từ các nước tham gia Nghị định thư Montreal.

- Chỉ được nhập khẩu và sử dụng methyl bromide với mục đích kiểm dịch thực vật, khử trùng nông sản xuất khẩu (QPS) và các trường hợp theo quy định của Nghị định thư Montreal.

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 67 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013.

- Điều 2 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Điều 31 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017.

- Điều 7, Điều 9 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

- Nghị định thư Montreal (Nghị định thư về các chất làm suy giảm tầng ôzôn).

- Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp.

- Điều 3 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

- Báo cáo tình hình nhập khẩu, sử dụng và mua bán methyl bromide đối với trường hợp nhập khẩu thuốc xông hơi khử trùng chứa hoạt chất methyl bromide theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT- BNNMT.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật (theo Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT).

PHỤ LỤC II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)
Mẫu số 03

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT
 Số:

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên tổ chức, cá nhân:.....
 2. Địa chỉ:
 3. Điện thoại: E-mail:
 4. Mã số doanh nghiệp/ Căn cước công dân:
 5. Số Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật:.....ngày cấp.....
- Đề nghị (Tên cơ quan có thẩm quyền) cấp
 Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật cho chúng tôi như sau:

Số TT	Tên thuốc BVTV	Khối lượng	Đơn vị tính	Công dụng thuốc	Xuất xứ
I.	Thuốc BVTV kỹ thuật				
1.					
2.					
	Cộng				
II.	Thuốc BVTV thành phẩm				
1.					
2.					
	Cộng				
III.	Methyl bromide				
1					
2					
	Cộng				
Tổng cộng (viết bằng chữ)					

Mục đích nhập khẩu:

- | | |
|---|--|
| ☐ Khảo nghiệm nhằm mục đích đăng ký | ☐ Thử nghiệm |
| ☐ Sản xuất để xuất khẩu theo hợp đồng với nước ngoài | ☐ Nghiên cứu |
| ☐ Làm hàng mẫu, hàng phục vụ triển lãm, hội chợ | ☐ Sử dụng trong dự án của nước ngoài tại Việt Nam |
| ☐ Tạm nhập, tái xuất | ☐ Xông hơi khử trùng |
| ☐ Trường hợp khác (ghi cụ thể) | ☐ Chất chuẩn |

Thời gian nhập khẩu:

Địa điểm nhập khẩu:

Địa điểm, thời gian, đối tượng sử dụng (*với thuốc có độ độc cấp tính nhóm I, II*)

.....
 Địa điểm, thời gian, mục đích, đối tượng nghiên cứu, thí nghiệm, khảo nghiệm .

Chúng tôi xin cam đoan các loại thuốc nhập khẩu được sử dụng đúng mục đích nêu trên.

....., ngày ... tháng năm

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH NHẬP KHẨU, SỬ DỤNG VÀ MUA BÁN METHYL BROMIDE*(6 tháng đầu năm 20..../hoặc năm 20....)***Kính gửi:****I. Tổng quát tình hình nhập khẩu/sử dụng methyl bromide:**

1. Khối lượng methyl bromide tồn đầu của kỳ báo cáo.....kg.

2. Khối lượng methyl bromide nhập khẩu trong kỳ báo cáo

STT	MB được cấp phép NK		Lượng MB nhập khẩu thực tế (kg)	Lượng MB sử dụng (kg)	Lượng MB đã bán (kg)		Ghi chú
	Số GP	Lượng MB (kg)			Tên tổ chức mua MB	Lượng MB đã bán (kg)	
		Tổng	Tổng	Tổng		Tổng	

3. Lượng methyl bromide tồn cuối của kỳ báo cáo :kg

II. Chi tiết sử dụng methyl bromide:

Khử trùng nông sản xuất khẩu			Thực hiện TCQT số 15		Khử trùng hàng nhập khẩu				Các ứng dụng khác		
Loại nông sản	Khối lượng nông sản (tấn)	Khối lượng MB (kg)	Thể tích (m3)	Khối lượng MB (kg)	Loại hàng hóa	Khối lượng hàng được xử lý (tấn)	Lý do xử lý	Khối lượng MB (kg)	Tên ứng dụng	Khối lượng được xử lý (tấn)	Khối lượng MB (kg)
	Tổng	Tổng	Tổng	Tổng		Tổng		Tổng		Tổng	Tổng
Tổng lượng MB sử dụng (kg)											

Ghi chú: Thời hạn báo cáo 06 tháng đầu năm trước ngày 15 tháng 7 và báo cáo năm trước ngày 15 tháng 01 năm sau.

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN*(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)*

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GPNKT-

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-.... ngày ... tháng ... năm quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (1);

Căn cứ Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật số..... ngày..... tháng.....năm.....của (2),

..... (1) đồng ý đề(2) nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật với khối lượng sau đây:

Số TT	Tên thuốc BVTV	Khối lượng	Đơn vị tính	Công dụng thuốc	Xuất xứ
I.	Thuốc BVTV kỹ thuật				
1.					
	Cộng				
II.	Thuốc BVTV thành phẩm				
1.					
	Cộng				
III.	Methyl bromide				
1					
	Cộng				
Tổng cộng (viết bằng chữ)					

Mục đích nhập khẩu :

Thời gian nhập khẩu: từ ngày ký đến.....

Địa điểm nhập khẩu:.....

Ghi chú:.....

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

Ghi chú:

- Trường hợp nhập khẩu methyl bromide, nội dung ghi trong giấy phép như sau:

+ Mục đích nhập khẩu: Sử dụng cho mục đích khử trùng và kiểm dịch hàng xuất khẩu.

+ Lượng methyl bromide trên phải được sử dụng đúng mục đích theo giấy phép này và chỉ được bán cho các tổ chức có Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bằng biện pháp xông hơi khử trùng.

- Không được nhập khẩu methyl bromide nếu vi phạm một trong các trường hợp sau: báo cáo không trung thực về tình hình nhập khẩu, sử dụng, mua bán methyl bromide; Sử dụng sai mục đích được cấp phép; tổ chức bị thu hồi Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bằng biện pháp xông hơi khử trùng.

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền

(2) Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu

9. Tên TTHC: Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón. Mã TTHC - 1.007926

(1) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính (nơi tổ chức đặt trụ sở) bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Bước 2: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Bước 3: Trong thời hạn 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực tế (có thể thành lập đoàn kiểm tra) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bước 4: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón theo Mẫu số 24 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 14 - Số ĐT: 02733.993890 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;

+ Quầy số 13 - Số ĐT: 02733.898962 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: Số 10, đường Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp;

b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính;

c) Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón theo Mẫu số 22 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

+ Bản thuyết minh điều kiện thực hiện khảo nghiệm phân bón theo Mẫu số 23 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

(5) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức khảo nghiệm phân bón.

(7) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón theo Mẫu số 24 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

(9) Phí, lệ phí: Không.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón theo Mẫu số 22 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

- Bản thuyết minh điều kiện thực hiện khảo nghiệm phân bón theo Mẫu số 23 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức khảo nghiệm phân bón phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

a) Có đủ số lượng nhân lực thực hiện khảo nghiệm, không kể người trực tiếp phụ trách khảo nghiệm, có trình độ từ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, khoa học đất, nông học, hóa học, sinh học và phải tham gia tập huấn khảo nghiệm phân bón theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Tổ chức khảo nghiệm phân bón phải có đủ số lượng nhân lực thực hiện khảo nghiệm, trong đó ngoài người trực tiếp phụ trách khảo nghiệm phải có tối thiểu 05 nhân lực chính thức thực hiện khảo nghiệm (viên chức hoặc hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động xác định thời hạn tối thiểu 12 tháng).

b) Có đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị theo tiêu chuẩn quốc gia về khảo nghiệm phân bón.

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 40 Luật Trồng trọt năm 2018;

- Điều 15 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Điều 9, Điều 10 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.

- Điều 7 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

- Đơn đề nghị công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón theo Mẫu số 22 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

- Bản thuyết minh điều kiện thực hiện khảo nghiệm phân bón theo Mẫu số 23 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón theo Mẫu số 24 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

Phụ lục I*(Kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)***Mẫu số 22****TÊN TỔ CHỨC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN
TỔ CHỨC KHẢO NGHIỆM PHẦN BÓN**

Kính gửi:.....(1)

1. Tên tổ chức đề nghị công nhận:

2. Địa chỉ:

Điện thoại:.....Fax:E-mail:.....

3. Họ tên và số điện thoại của người liên hệ:

4. Quyết định thành lập (nếu có)/Giấy đăng ký doanh nghiệp/Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn số/

Cơ quan cấp:cấp ngàytại.....

Đề nghị.....(1) xem xét đề công nhận.....(2) là tổ chức khảo nghiệm phân bón.

Chúng tôi xin cam đoan thông tin trong đơn, tài liệu kèm theo là đúng sự thật và tuân thủ các quy định của pháp luật về phân bón./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC*(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)*

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

(2) Tên tổ chức đề nghị công nhận.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày.....tháng.....năm...

BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN
THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM PHÂN BÓN

Kính gửi:..... (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Điện thoại:.....Fax:E-mail:.....

2. Nguồn nhân lực (người trực tiếp phụ trách khảo nghiệm, người trực tiếp thực hiện khảo nghiệm)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chuyên môn được đào tạo	Trình độ	Viên chức/L loại HDLD	Số, ngày tháng Quyết định tuyển dụng/HDLĐ	Số GCN tập huấn khảo nghiệm	Ghi chú
I	Người trực tiếp phụ trách khảo nghiệm							
1								
II	Người trực tiếp thực hiện khảo nghiệm							
1								
2								
....								

3. Cơ sở vật chất được quy định tại Tiêu chuẩn quốc gia về khảo nghiệm

a) Địa điểm thực hiện khảo nghiệm

STT	Địa điểm khảo nghiệm (kê khai cụ thể địa chỉ)	Loại đất	Diện tích	Ghi chú

Ghi chú: (Tên tổ chức) gửi kèm theo các giấy tờ chứng minh các nội dung kê khai,

b) Khu vực để xử lý và lưu mẫu:

STT	Mục đích sử dụng	Diện tích	Ghi chú

c) Tên, số lượng trang thiết bị, phần mềm phân tích thống kê để xử lý số liệu, kết quả khảo nghiệm:

d) Trang thiết bị của phòng thử nghiệm (nếu có):.....

đ) Trang thiết bị phục vụ khảo nghiệm:

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Mục đích sử dụng	Ghi chú
I	Thiết bị đo lường			
1				
...				
II	Vật dụng để thiết kế, triển khai thí nghiệm			
1				
...				
III	Trang thiết bị bảo hộ lao động			
1				
...				

e) Các trang thiết bị khác theo yêu cầu tại TCVN về khảo nghiệm phân bón.

4. Kết quả hoạt động khảo nghiệm phân bón (nếu có): Các khảo nghiệm, kết quả nghiên cứu của tổ chức đăng ký thực hiện khảo nghiệm phân bón đã thực hiện.

5. Cam kết của tổ chức đăng ký khảo nghiệm phân bón:

- Thực hiện các quy định về công nhận tổ chức khảo nghiệm.
- Đáp ứng các yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền khi tiến hành đánh giá công nhận tổ chức khảo nghiệm.
- Cam đoan các nội dung khai trên là đúng, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai và gửi kèm theo đây các tài liệu để chứng minh nội dung kê khai./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-.....

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón****(LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN)**

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số

..../2026/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (Tên cơ quan có thẩm quyền);

Theo đề nghị của..... (1).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận.....(2) thuộc.....(tên đơn vị chủ quản, nếu có), địa chỉ.....là tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm phân bón.

Điều 2(2) có trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật về khảo nghiệm phân bón tại Việt Nam và hướng dẫn của (tên cơ quan có thẩm quyền).
2. Duy trì các điều kiện đảm bảo hoạt động khảo nghiệm phân bón trong suốt thời gian hoạt động.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Tổ chức có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT,.....

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

(1) Lãnh đạo đơn vị thuộc cơ quan có thẩm quyền được giao nhiệm vụ thẩm định hồ sơ công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón.

(2) Tên tổ chức khảo nghiệm phân bón.

10. Tên TTHC: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón. Mã TTHC - 1.007927

(1) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính (nơi tổ chức, cá nhân đặt nhà máy sản xuất) bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- **Bước 2:** Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- **Bước 3:** Trong thời hạn 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực tế điều kiện sản xuất phân bón, việc thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất phân bón theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 50 Luật Trồng trọt (có thể thành lập đoàn kiểm tra và biên bản kiểm tra điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 27 Phụ lục I ban hành kèm Nghị định số 33/2026/NĐ-CP) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- **Bước 4:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 28 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Bước 5:** Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính đăng tải Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:
 - + Quầy số 14 - Số ĐT: 02733.993890 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;
 - + Quầy số 13 - Số ĐT: 02733.898962 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: Số 10, đường Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính;
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- a) Nộp trực tiếp;
- b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính;
- c) Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 25 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

+ Bản thuyết minh về điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 26 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

+ Bản sao Bằng tốt nghiệp đại học trở lên của người trực tiếp điều hành sản xuất quy định tại điểm e khoản 2 Điều 41 Luật Trồng trọt.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

(5) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

(7) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (theo Mẫu số 28 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP).

Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón là 05 năm.

(9) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (trừ cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón): 6.000.000 đồng/01 cơ sở/lần.

- Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón: 3.000.000 đồng/01 cơ sở/lần.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 25 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

- Bản thuyết minh về điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 26 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón bao gồm:

- Có địa điểm sản xuất, diện tích nhà xưởng phù hợp với quy mô sản xuất: Khu sản xuất có tường, trần, vách ngăn, cửa bảo đảm yêu cầu về kiểm soát chất lượng.

- Có dây chuyền, máy móc, thiết bị phù hợp với quy trình sản xuất từng loại, dạng phân bón: Dây chuyền, máy móc, thiết bị sản xuất phân bón phải phù hợp với quy trình sản xuất từng loại phân bón, dạng phân bón quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP.

- Có khu vực chứa nguyên liệu và khu vực thành phẩm riêng biệt;

- Người trực tiếp điều hành sản xuất phải có trình độ từ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, khoa học đất, nông học, hóa học, sinh học.

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 41 Luật Trồng trọt năm 2018.

- Điều 15 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Điều 12 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.

- Điều 2 Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài Chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.

- Điều 9, Điều 11 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 25 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

- Bản thuyết minh về điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 26 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (theo Mẫu số 28 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP).

Phụ lục I

(Kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)
Mẫu số 25

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI
 GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT PHÂN BÓN**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên tổ chức, cá nhân:
2. Địa chỉ:.....
3. Điện thoại:Fax:E-mail:
4. Địa điểm sản xuất phân bón:.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận tổ chức Khoa học và Công nghệ: số ngày..... Nơi cấp.....
6. Văn bản chứng minh có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (ghi cụ thể tên, số ký hiệu, thời gian ban hành văn bản):.....

Đề nghị quý cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón

Loại hình sản xuất:

- ☐ Sản xuất phân bón
☐ Đóng gói phân bón

Hình thức cấp:

- ☐ Cấp mới
☐ Cấp lại (lần thứ: ..)

Lý do cấp lại:

Chúng tôi xin cam đoan thông tin trong đơn, tài liệu kèm theo là đúng sự thật và tuân thủ các quy định của pháp luật về phân bón.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
 (Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm

**BẢN THUYẾT MINH
VỀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT PHÂN BÓN**

Kính gửi:..... (Tên cơ quan có thẩm quyền)

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

1. Tên tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:.....Fax:

E-mail:.....Website:.....

2. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức, cá nhân:

Họ và tên:.....

Chức danh:.....

Căn cước công dân/Hộ chiếu số:....ngày cấp:.../.../...nơi cấp:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:.....Fax:.....E-mail:.....

3. Người trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất:

Họ và tên:.....

Chức danh:.....

Điện thoại:.....Fax:.....E-mail:.....

II. THÔNG TIN VỀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT

1. Nhà xưởng:

- Sơ đồ tổng thể (bản vẽ kèm theo)

- Diện tích nhà xưởng (m²):.....trong đó:+ Khu vực sản xuất (m²):.....+ Khu vực kho nguyên liệu (m²):+ Khu vực kho thành phẩm (m²):.....

2. Thống kê dây chuyền, máy móc, thiết bị sản xuất phân bón:

STT	Tên máy móc, thiết bị	Công suất	Nguồn gốc
I	Dây chuyền 1		
1			
2			

....			
II	Dây chuyền 2		
1			
2			
....			

3. Bản vẽ thiết kế dây chuyền sản xuất (bản vẽ kèm theo)

4. Sơ đồ, thuyết minh quy trình sản xuất:.....

5. Lao động trực tiếp sản xuất phân bón (dự kiến):

6. Loại phân bón, công suất đăng ký sản xuất

STT	Loại phân bón	Dạng phân bón	Công suất	Phương thức sử dụng
1				
2				
....				
Tổng cộng				

7. Kiểm soát chất lượng

☐ Có phòng thử nghiệm được công nhận phù hợp với tiêu chuẩn ISO 17025

☐ Có hợp đồng với tổ chức thử nghiệm được chỉ định (Tên tổ chức thử nghiệm)

Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp ISO 9001 hoặc tương đương (Tên tổ chức chứng nhận.....)

Tài liệu gửi kèm theo thuyết minh (nếu có):

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)

**TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN (1)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN KIỂM TRA
Điều kiện sản xuất phân bón**

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số/2026/NĐ-CP;

Căn cứ.....

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... của ... (1) về việc thành lập đoàn kiểm tra.

Hôm nay, ngày tháng.... nămtại

Địa chỉ:

Chúng tôi gồm:

Đại diện đoàn kiểm tra:

1. Ông/Bà:, Chức vụ:

2. Ông/Bà:, Chức vụ:

Đại diện tổ chức, cá nhân sản xuất phân bón:

1. Ông/Bà:, Chức vụ:

2. Ông/Bà:, Chức vụ:

I. NỘI DUNG KIỂM TRA.....

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA

(ghi cụ thể nội dung đánh giá từng điều kiện theo quy định của pháp luật)

.....

III. KẾT LUẬN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

.....

IV. KIẾN NGHỊ CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

.....

V. Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SẢN XUẤT PHÂN BÓN

.....

Buổi kiểm tra kết thúc vào hồi... h ngày tháng.... năm

Biên bản đã được đọc cho đoàn kiểm tra, đại diện tổ chức, cá nhân sản xuất phân bón cùng nghe và thống nhất ký tên vào biên bản. Biên bản được lập thành 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau. Đoàn kiểm tra giữ 01 bản và 01 bản lưu tại làm căn cứ thi hành.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA
(Ký tên)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền

Mẫu số 28

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT PHÂN BÓN

Điều kiện sử dụng Giấy chứng nhận 1. Lưu Giấy chứng nhận tại trụ sở chính và xuất trình Giấy chứng nhận khi được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu. 2. Không được tẩy xóa, sửa chữa nội dung trong Giấy chứng nhận. 3. Không được chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn Giấy chứng nhận. 4. Không được sản xuất ngoài địa điểm sản xuất đã được quy định. 5. Báo cáo (<i>tên cơ quan có thẩm quyền</i>) khi có sự thay đổi điều kiện hoặc chấm dứt hoạt động sản xuất phân bón.	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----	GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT PHÂN BÓN TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT PHÂN BÓN Số:/GCN..... Ngàytháng.....năm
---	---	--

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đủ điều kiện sản xuất phân bón

Số:...../GCN-.....
.....(1)

Tên tổ chức cá nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:.....Fax:.....Email:

Địa chỉ sản xuất:

Mã số doanh nghiệp:

Được chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón:

1. Hình thức sản xuất

☐ Sản xuất phân bón

☐ Đóng gói phân bón

2. Công suất sản xuất

Tổng công suất:

Phân bón vô cơ:

Phân bón hữu cơ:

Phân bón sinh học:

3. Loại phân bón sản xuất:

STT	Loại phân
1	
2	
...	

Giấy chứng nhận
ngày.....tháng.....năm.....

Giấy chứng nhận
xuất phân bón số ngàyt

Nơi nhận:

- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT,.....

.....

(1) Cấp lại lần thứ..... (nếu

(2) Lãnh đạo cơ quan cấp (t

11. Tên TTHC: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón. Mã TTHC - 1.007928

(1) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính (nơi tổ chức, cá nhân đặt nhà máy sản xuất) bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- **Bước 2:** Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- **Bước 3:** Trong thời hạn 17 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn; thay đổi về địa điểm sản xuất phân bón; thay đổi về loại phân bón, dạng phân bón, công suất sản xuất trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này; trong thời hạn 02 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng; thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- **Bước 4:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 28 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP; trường hợp không cấp lại, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Bước 5:** Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính đăng tải Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan ngay sau khi cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:
 - + Quầy số 14 - Số ĐT: 02733.993890 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;
 - + Quầy số 13 - Số ĐT: 02733.898962 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: Số 10, đường Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp;

b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính;

c) Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

a) Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn:

Trước thời hạn 03 tháng kể từ ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn, tổ chức, cá nhân sản xuất phân bón có nhu cầu tiếp tục sản xuất phân bón phải nộp hồ sơ gồm:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 25 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

Bản thuyết minh về điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 26 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

Bản sao Bằng tốt nghiệp đại học trở lên của người trực tiếp điều hành sản xuất quy định tại điểm e khoản 2 Điều 41 Luật Trồng trọt.

b) Trường hợp hồ sơ không thay đổi: Tổ chức, cá nhân nộp Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 25 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

c) Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón bị mất, hư hỏng:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 25 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đã được cấp đổi với trường hợp bị hư hỏng.

d) Trường hợp thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 25 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đã được cấp.

đ) Trường hợp thay đổi về địa điểm sản xuất phân bón:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 25 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

Bản thuyết minh về điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 26 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

Bản sao Bằng tốt nghiệp đại học trở lên của người trực tiếp điều hành sản xuất quy định tại điểm e khoản 2 Điều 41 Luật Trồng trọt.

Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đã được cấp.

e) Trường hợp thay đổi về loại phân bón, dạng phân bón, công suất sản xuất trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 25 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

Bản thuyết minh về điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 26 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đã được cấp.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

(5) Thời hạn giải quyết:

- 20 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn; thay đổi về địa điểm sản xuất phân bón; thay đổi về loại phân bón, dạng phân bón, công suất sản xuất trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân).

- 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng; thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân).

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

(7) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (theo Mẫu số 28 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP).

- Thời hạn hiệu lực:

+ Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn; thay đổi về địa điểm sản xuất phân bón; thay đổi về loại phân bón, dạng phân bón, công suất sản xuất trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón: Thời hạn của Giấy chứng nhận là 05 năm.

+ Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng; thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận: Thời hạn Giấy chứng nhận theo thời hạn của Giấy chứng nhận đã cấp.

(9) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (trừ cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón): 2.500.000 đồng/01 cơ sở/lần.

- Phí thẩm định cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón, đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón: 1.200.000 đồng/01 cơ sở/lần.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 25 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

- Bản thuyết minh về điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 26 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón bao gồm:

- Có địa điểm sản xuất, diện tích nhà xưởng phù hợp với quy mô sản xuất: Khu sản xuất có tường, trần, vách ngăn, cửa bảo đảm yêu cầu về kiểm soát chất lượng.

- Có dây chuyền, máy móc, thiết bị phù hợp với quy trình sản xuất từng loại, dạng phân bón: Dây chuyền, máy móc, thiết bị sản xuất phân bón phải phù hợp với quy trình sản xuất từng loại phân bón, dạng phân bón quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP.

- Có khu vực chứa nguyên liệu và khu vực thành phẩm riêng biệt;

- Người trực tiếp điều hành sản xuất phải có trình độ từ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, khoa học đất, nông học, hóa học, sinh học.

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 41 Luật Trồng trọt năm 2018.

- Điều 15 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Điều 12 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.

- Điều 2 Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài Chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.

- Điều 10, Điều 11 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều

của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 25 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

- Bản thuyết minh về điều kiện sản xuất phân bón theo Mẫu số 26 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (theo Mẫu số 28 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP).

Phụ lục I

(Kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)
Mẫu số 25

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT PHÂN BÓN

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên tổ chức, cá nhân:
2. Địa chỉ:.....
3. Điện thoại:Fax:E-mail:
4. Địa điểm sản xuất phân bón:.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận tổ chức Khoa học và Công nghệ: số ngày..... Nơi cấp.....
6. Văn bản chứng minh có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (ghi cụ thể tên, số ký hiệu, thời gian ban hành văn bản):.....

Đề nghị quý cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón

Loại hình sản xuất:

- ☐ Sản xuất phân bón
☐ Đóng gói phân bón

Hình thức cấp:

- ☐ Cấp mới
☐ Cấp lại (lần thứ: ..)

Lý do cấp lại:

Chúng tôi xin cam đoan thông tin trong đơn, tài liệu kèm theo là đúng sự thật và tuân thủ các quy định của pháp luật về phân bón.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm

**BẢN THUYẾT MINH
VỀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT PHÂN BÓN**

Kính gửi:..... (Tên cơ quan có thẩm quyền)

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

1. Tên tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:.....Fax:

E-mail:.....Website:.....

2. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức, cá nhân:

Họ và tên:.....

Chức danh:.....

Căn cước công dân/Hộ chiếu số:....ngày cấp:.../.../...nơi cấp:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:.....Fax:.....E-mail:.....

3. Người trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất:

Họ và tên:.....

Chức danh:.....

Điện thoại:.....Fax:.....E-mail:.....

II. THÔNG TIN VỀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT

1. Nhà xưởng:

- Sơ đồ tổng thể (bản vẽ kèm theo)

- Diện tích nhà xưởng (m²):.....trong đó:+ Khu vực sản xuất (m²):.....+ Khu vực kho nguyên liệu (m²):+ Khu vực kho thành phẩm (m²):.....

2. Thống kê dây chuyền, máy móc, thiết bị sản xuất phân bón:

STT	Tên máy móc, thiết bị	Công suất	Nguồn gốc
I	Dây chuyền 1		
1			
2			

....			
II	Dây chuyền 2		
1			
2			
....			

3. Bản vẽ thiết kế dây chuyền sản xuất (bản vẽ kèm theo)

4. Sơ đồ, thuyết minh quy trình sản xuất:.....

5. Lao động trực tiếp sản xuất phân bón (dự kiến):

6. Loại phân bón, công suất đăng ký sản xuất

STT	Loại phân bón	Dạng phân bón	Công suất	Phương thức sử dụng
1				
2				
....				
Tổng cộng				

7. Kiểm soát chất lượng

☐ Có phòng thử nghiệm được công nhận phù hợp với tiêu chuẩn ISO 17025

☐ Có hợp đồng với tổ chức thử nghiệm được chỉ định (Tên tổ chức thử nghiệm)

Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp ISO 9001 hoặc tương đương (Tên tổ chức chứng nhận.....)

Tài liệu gửi kèm theo thuyết minh (nếu có):

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)

**TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN (1)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN KIỂM TRA
Điều kiện sản xuất phân bón**

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số/2026/NĐ-CP;

Căn cứ.....

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... của ... (1) về việc thành lập đoàn kiểm tra.

Hôm nay, ngày tháng.... nămtại

Địa chỉ:

Chúng tôi gồm:

Đại diện đoàn kiểm tra:

1. Ông/Bà:, Chức vụ:

2. Ông/Bà:, Chức vụ:

Đại diện tổ chức, cá nhân sản xuất phân bón:

1. Ông/Bà:, Chức vụ:

2. Ông/Bà:, Chức vụ:

I. NỘI DUNG KIỂM TRA.....

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA

(ghi cụ thể nội dung đánh giá từng điều kiện theo quy định của pháp luật)

.....

III. KẾT LUẬN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

.....

IV. KIẾN NGHỊ CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

.....

V. Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SẢN XUẤT PHÂN BÓN

.....

Buổi kiểm tra kết thúc vào hồi... h ngày tháng.... năm

Biên bản đã được đọc cho đoàn kiểm tra, đại diện tổ chức, cá nhân sản xuất phân bón cùng nghe và thống nhất ký tên vào biên bản. Biên bản được lập thành 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau. Đoàn kiểm tra giữ 01 bản và 01 bản lưu tại làm căn cứ thi hành.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA
(Ký tên)

Mẫu số 28

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT PHÂN BÓN

Điều kiện sử dụng Giấy chứng nhận 1. Lưu Giấy chứng nhận tại trụ sở chính và xuất trình Giấy chứng nhận khi được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu. 2. Không được tẩy xóa, sửa chữa nội dung trong Giấy chứng nhận. 3. Không được chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn Giấy chứng nhận. 4. Không được sản xuất ngoài địa điểm sản xuất đã được quy định. 5. Báo cáo (<i>tên cơ quan có thẩm quyền</i>) khi có sự thay đổi điều kiện hoặc chấm dứt hoạt động sản xuất phân bón.	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----- TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT PHÂN BÓN Số:/GCN..... Ngàytháng.....năm	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----- TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT PHÂN BÓN Số:/GCN..... Ngàytháng.....năm
---	---	---

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đủ điều kiện sản xuất phân bón

Số:...../GCN-.....
.....(1)

Tên tổ chức cá nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:.....Fax:.....Email:

Địa chỉ sản xuất:

Mã số doanh nghiệp:

Được chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón:

1. Hình thức sản xuất

☐ Sản xuất phân bón

☐ Đóng gói phân bón

2. Công suất sản xuất

Tổng công suất:

Phân bón vô cơ:

Phân bón hữu cơ:

Phân bón sinh học:

3. Loại phân bón sản xuất:

STT	Loại phân
1	
2	
...	

Giấy chứng nhận
ngày.....tháng.....năm.....

Giấy chứng nhận
xuất phân bón số ngàyt

Nơi nhận:

- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT,.....

.....
(1) Cấp lại lần thứ..... (nếu

(2) Lãnh đạo cơ quan cấp (t

12. Tên TTHC: Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón. Mã TTHC - 1.007929

(1) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Bước 2: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Bước 3: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón theo Mẫu số 35 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 14 - Số ĐT: 02733.993890 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;

+ Quầy số 13 - Số ĐT: 02733.898.962 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: Số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp;

b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính;

c) Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đăng ký nhập khẩu phân bón theo Mẫu số 33 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT);

b) Tờ khai kỹ thuật theo Mẫu số 34 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư

số 07/2026/TT-BNNMT;

c) Văn bản của nhà sản xuất về chỉ tiêu chất lượng, hướng dẫn sử dụng, cảnh báo an toàn và yếu tố hạn chế trong phân bón;

d) Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) tại nước xuất khẩu (Trường hợp nhập khẩu phân bón theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 2 Điều 44 Luật Trồng trọt);

đ) Giấy xác nhận hoặc Giấy mời tham gia hội chợ, triển lãm tại Việt Nam (Trường hợp nhập khẩu phân bón theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 44 Luật Trồng trọt);

e) Đề cương nghiên cứu về phân bón đề nghị nhập khẩu (Trường hợp nhập khẩu phân bón theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 44 Luật Trồng trọt);

Trường hợp hồ sơ là bản bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch ra tiếng Việt có xác nhận của cơ quan dịch thuật.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

(5) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian khắc phục (nếu có) của tổ chức, cá nhân.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

(7) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện thủ tục hành chính.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép nhập khẩu phân bón (theo Mẫu số 35 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT).

- Thời hạn của Giấy phép là 01 năm.

(9) Phí, lệ phí: Không.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đăng ký nhập khẩu phân bón (theo Mẫu số 33 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT);

- Tờ khai kỹ thuật (theo Mẫu số 34 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT).

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 44 Luật Trồng trọt năm 2018;

- Điều 15 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Điều 31 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017;

- Điều 7, Điều 9 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính

phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;

- Điều 14 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Điều 17 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

- Đơn đăng ký nhập khẩu phân bón theo Mẫu số 33 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT);

- Tờ khai kỹ thuật theo Mẫu số 34 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT;

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Giấy phép nhập khẩu phân bón (theo Mẫu số 35 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT).

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.....tháng.....năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU PHÂN BÓN

Kính gửi:..... (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:

2. Tên phân bón:

3. Số lượng nhập khẩu:

4. Nhà sản xuất, xuất xứ:

5. Mục đích nhập khẩu

- ☐ Phân bón để khảo nghiệm
☐ Phân bón dùng cho sân thể thao, khu vui chơi giải trí
☐ Phân bón sử dụng trong dự án nước ngoài tại Việt Nam
☐ Phân bón làm quà tặng, làm hàng mẫu
☐ Phân bón tham gia hội chợ, triển lãm
☐ Phân bón phục vụ nghiên cứu khoa học
☐ Phân bón làm nguyên liệu sản xuất phân bón khác

6. Thời gian nhập khẩu (dự kiến):

7. Cửa khẩu nhập khẩu (dự kiến):

8. Các tài liệu nộp kèm theo:

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến phân bón nhập khẩu.

Khi cần liên hệ theo địa chỉ:....., điện thoại: Fax:, E-mail:.....

**Tổ chức, cá nhân đăng ký
(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)**

TỜ KHAI KỸ THUẬT

1. Tên phân bón:.....
 Tên khác (nếu có):.....
2. Xuất xứ:.....
3. Loại phân bón:
☐ Phân bón vô cơ;
☐ Phân bón hữu cơ;
☐ Phân bón sinh học.
4. Phương thức sử dụng:
☐ Bón rễ ☐ Bón lá
5. Dạng phân bón:
☐ Dạng rắn ☐ Dạng lỏng
6. Bao bì (ghi rõ loại bao bì, khối lượng hoặc dung tích):
7. Chỉ tiêu chất lượng (theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất)

STT	Chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị tính	Hàm lượng
1			
2			
...			

8. Các yếu tố hạn chế trong phân bón (theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật nếu có)

STT	Các yếu tố hạn chế	Đơn vị tính	Hàm lượng
1	Asen		
2	Cadimi		
3	Chì		
4	Thủy ngân		
5	Biuret		
6	Axit tự do		
7	Salmonella		
8	E. coli		
9	Các yếu tố khác theo quy định hoặc quy chuẩn kỹ thuật		

9. Hướng dẫn sử dụng² (1):

- Cây trồng sử dụng:.....
- Liều lượng sử dụng/đơn vị diện tích, ghi rõ cho từng loại cây trồng:.....
- Diện tích sử dụng, ghi rõ cho từng loại cây trồng:.....
- Các lưu ý khác trong quá trình sử dụng:.....

10. Các cảnh báo tác động xấu đến sức khỏe, môi trường:.....

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin trong tờ khai kỹ thuật này và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan đến phân bón nhập khẩu.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Tổ chức, cá nhân đăng ký
 (Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

² Chỉ khai trong trường hợp nhập khẩu phân bón quy định tại điểm a, b, c, e khoản 2 Điều 44 Luật Trồng trọt.

**TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN (1)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..... /GPNK-

....., ngày tháng năm

GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU PHÂN BÓN

Kính gửi:.....(Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu)

Xét đơn đăng ký nhập khẩu phân bón ngày ... tháng ... năm ... của ... (2), địa chỉ.....về việc nhập khẩu phân bón,.... (1) có ý kiến như sau:

1. Đồng ý đề..... (2) được nhập khẩu phân bón sau:

STT	Loại phân bón	Tên phân bón	Chỉ tiêu chất lượng			Khối lượng	Nhà sản xuất, xuất xứ
			Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Hàm lượng		
1							
2							
....							
Tổng cộng							

2. Mục đích nhập khẩu:.....

3. Cửa khẩu nhập khẩu:

4. Các loại phân bón có tên trên chỉ được sử dụng đúng mục đích nêu tại mục 2 của giấy phép này.

5..... (2) có trách nhiệm báo cáo kết quả nhập khẩu loại phân bón về..... (Tên và địa chỉ cơ quan có thẩm quyền) sau khi nhập khẩu.

6. Thời hạn của Giấy phép là 01 năm kể từ ngày cấp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hải quan cửa khẩu nhập khẩu
- Lưu: VT,.....

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền

(2) Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu.

II. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT

(Theo Quyết định số 192/QĐ-BNNMT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. Tên TTHC: Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng - Mã TTHC: 1.012001

(1) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Gửi hồ sơ

Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng đến Trung tâm phục vụ hành chính công.

- Bước 2: Thẩm định hồ sơ và trả kết quả

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét hồ sơ theo quy định sau đây:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định cấp Thẻ giám định viên, trong đó ghi rõ họ tên, địa chỉ thường trú, số Căn cước công dân và chuyên ngành giám định của người được cấp Thẻ;

+ Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh ra thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Khi hết thời hạn đã ấn định mà người yêu cầu cấp Thẻ giám định viên không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định từ chối cấp Thẻ giám định viên, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

- Bước 3: Công bố Danh sách giám định viên quyền đối với giống cây trồng:

Ủy ban nhân dân tỉnh lập Danh sách giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo các quyết định cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng và công bố trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra quyết định.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 14 - Số ĐT: 02733.993890 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;

+ Quầy số 13 - Số ĐT: 02733.898.962 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: Số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- a) Nộp trực tiếp.
- b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính.
- c) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Hồ sơ gồm:

- Tờ khai yêu cầu cấp Thẻ giám định viên theo Mẫu số 05 Phụ lục II Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;
- Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ về giám định quyền đối với giống cây trồng;
- Tài liệu có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc người nộp hồ sơ đã trực tiếp làm công tác chuyên môn lĩnh vực giống cây trồng từ 05 năm trở lên;
- 02 ảnh 3 x 4 (cm);

* Số lượng: 01 bộ hồ sơ.

(5) Thời hạn giải quyết: Quyết định cấp Thẻ giám định viên: 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng và Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 10 tại Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP hoặc Quyết định từ chối cấp Thẻ giám định viên.

(9) Lệ phí, phí (nếu có): Không

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai yêu cầu cấp Thẻ giám định viên theo Mẫu số 05 Phụ lục II Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Là công dân Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Thường trú tại Việt Nam (có nơi thường trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về cư trú);
- Có phẩm chất đạo đức tốt (không bị xử lý vi phạm hành chính do vi phạm pháp luật về giống cây trồng hoặc về hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp và không thuộc diện bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được

xoá án tích);

- Có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp thẻ giám định, đã qua thực tế hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực đó từ 05 năm trở lên và đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ về giám định (đã trực tiếp làm công tác soạn thảo và hướng dẫn thi hành văn bản quy phạm pháp luật về giống cây trồng, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, thanh tra về giống cây trồng tại các cơ quan quản lý nhà nước về bảo hộ giống cây trồng, nghiên cứu, giảng dạy về bảo hộ giống cây trồng tại tổ chức nghiên cứu, đào tạo được thành lập và hoạt động hợp pháp, hoặc tư vấn về pháp luật về bảo hộ giống cây trồng dưới danh nghĩa người đại diện quyền đối với giống cây trồng).

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Khoản 3 Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12; Luật số 07/2022/QH15).

- Điều 112 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

- Điều 16 Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

- Tờ khai yêu cầu cấp Thẻ giám định viên theo Mẫu số 05 Phụ lục II Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;

- Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ về giám định quyền đối với giống cây trồng;

- Tài liệu có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc người nộp hồ sơ đã trực tiếp làm công tác chuyên môn lĩnh vực giống cây trồng từ 05 năm trở lên;

- 02 ảnh 3 x 4 (cm);

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Quyết định cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng và Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 10 tại Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP hoặc Quyết định từ chối cấp Thẻ giám định viên.

Mẫu số 05

TỜ KHAI YÊU CẦU CẤP/CẤP LẠI THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG Kính gửi¹: Cá nhân dưới đây yêu cầu cấp/cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng:	DẤU NHẬN ĐƠN <i>(Dành cho cán bộ nhận đơn)</i>
① NGƯỜI YÊU CẦU Tên đầy đủ: _____ Địa chỉ: _____ Điện thoại: _____ Căn cước công dân số: _____	
② NỘI DUNG YÊU CẦU ☐ Cấp Thẻ lần đầu ☐ Cấp lại Thẻ Số Thẻ đã cấp: _____ Lý do cấp lại: ☐ Thẻ bị mất ☐ Thẻ bị lỗi ☐ Thẻ bị hỏng ☐ Thay đổi thông tin trong Thẻ:	
③ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN ③ ☐ Tờ khai theo mẫu ☐ Bản gốc/bản sao Giấy chứng nhận đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ làm giám định viên quyền đối với giống cây trồng ☐ Bản sao Bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học chuyên ngành trồng trọt, nông học hoặc ngành có liên quan về giống cây trồng ☐ Bản sao tài liệu xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc người nộp hồ sơ đã trực tiếp làm công tác chuyên môn lĩnh vực giống cây trồng từ 05 năm trở lên ☐ 02 ảnh cỡ 3 x 4 cm ☐ Thẻ đã cấp (nếu yêu cầu cấp lại, trừ trường hợp bị mất)	KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU <i>(Dành cho cán bộ nhận đơn)</i> Cán bộ nhận đơn <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i>

④ CAM KẾT CỦA NGƯỜI YÊU CẦU

Tôi xin cam đoan các thông tin, tài liệu trong đơn là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại: ngày ... tháng ... năm...

Chữ ký, họ tên người yêu cầu

¹ Tên cơ quan quản lý nhà nước về cấp thẻ giám định viên tại địa phương.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN
QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG
Số: /GDV**

(Ảnh 3 x 4)

Họ và tên:

Ngày sinh:

Số CMND/CCCD:

Địa chỉ thường trú:

Chữ ký của người
được cấp Thẻ

**THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
VỀ CẤP THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN TẠI ĐỊA
PHƯƠNG
(Ký và đóng dấu)**

1. Thẻ này được cấp theo Quyết định số ngày..... tháng..... năm..... của Thủ trưởng Cơ quan quản lý nhà nước về cấp thẻ giám định viên tại địa phương).
2. Người được cấp Thẻ này được hành nghề giám định quyền đối với giống cây trồng và có nghĩa vụ yêu cầu cấp lại Thẻ khi có thay đổi thông tin liên quan đã được ghi nhận trong Thẻ.
3. Thẻ này bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:
 - a) Có chứng cứ khẳng định rằng Thẻ giám định viên được cấp trái với quy định pháp luật;
 - b) Người được cấp Thẻ giám định viên không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ;
 - c) Người được cấp Thẻ giám định viên từ bỏ hoạt động giám định;
 - d) Người được cấp Thẻ giám định viên bị xử phạt bằng hình thức thu hồi Thẻ giám định viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Tên TTHC: Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng. Mã TTHC 1.012002

(1) Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Cá nhân nộp hồ sơ đến Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng trong các trường hợp:

+ Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng bị mất, bị lỗi, bị hỏng (rách, bẩn, phai mờ v.v...) đến mức không sử dụng được;

+ Thông tin được ghi nhận trong Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng có sự thay đổi về họ tên, địa chỉ thường trú, số Căn cước công dân và chuyên ngành giám định của người được cấp Thẻ.

b) Bước 2: Tổ chức thẩm định và trả kết quả:

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định cấp lại Thẻ giám định viên, trong đó ghi rõ họ tên, địa chỉ thường trú, số Căn cước công dân và chuyên ngành giám định của người được cấp Thẻ.

+ Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh ra thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Khi hết thời hạn đã ấn định mà người yêu cầu cấp Thẻ giám định viên không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định từ chối cấp Thẻ giám định viên, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

- Trong trường hợp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng bị lỗi do Ủy ban nhân dân tỉnh gây ra, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của người được cấp Thẻ.

c) Bước 3: Công bố Danh sách giám định viên quyền đối với giống cây trồng

Ủy ban nhân dân tỉnh lập Danh sách giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo các quyết định cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng và công bố trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra quyết định.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 14 - Số ĐT: 02733.993890 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;

+ Quầy số 13 - Số ĐT: 02733.898.962 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: Số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính;
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- a) Nộp trực tiếp.
- b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính.
- c) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Hồ sơ gồm:**

- Tờ khai yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên theo Mẫu số 05 Phụ lục II Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;

- 02 ảnh 3x4 (cm);

* Số lượng: 01 bộ hồ sơ.

(5) Thời hạn giải quyết:

- Quyết định cấp lại thẻ giám định viên: 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng bị lỗi do Ủy ban nhân dân tỉnh gây ra: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của người được cấp Thẻ.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng và Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 10 Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP hoặc Quyết định từ chối cấp Thẻ giám định viên.

(9) Lệ phí, phí (nếu có): Không

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên theo Mẫu số 05 Phụ lục II Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 112 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

- Điều 16 Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

- Tờ khai yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên theo Mẫu số 05 Phụ lục II Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;

- 02 ảnh 3x4 (cm);

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá: Quyết định cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng và Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 10 Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP hoặc Quyết định từ chối cấp Thẻ giám định viên.

TỜ KHAI
YÊU CẦU CẤP/CẤP LẠI THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN
QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG

Kính gửi³:

Cá nhân dưới đây yêu cầu cấp/cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng:

DẤU NHẬN ĐƠN
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

NGƯỜI YÊU CẦU

Tên đầy đủ:

Địa chỉ:

Căn cước công dân số:

Điện thoại:

NỘI DUNG YÊU CẦU

☐ Cấp Thẻ lần đầu

☐ Cấp lại Thẻ

Số Thẻ đã cấp:

Lý do cấp lại: ☐ Thẻ bị mất ☐ Thẻ bị lỗi ☐ Thẻ bị hỏng

☐ Thay đổi thông tin trong Thẻ:

CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN

☐ Tờ khai theo mẫu

☐ Bản gốc/bản sao Giấy chứng nhận đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ làm giám định viên quyền đối với giống cây trồng

☐ Bản sao Bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học chuyên ngành trồng trọt, nông học hoặc ngành có liên quan về giống cây trồng

☐ Bản sao tài liệu xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc người nộp hồ sơ đã trực tiếp làm công tác chuyên môn lĩnh vực giống cây trồng từ 05 năm trở lên

☐ 02 ảnh cỡ 3 x 4 cm

☐ Thẻ đã cấp (nếu yêu cầu cấp lại, trừ trường hợp bị mất)

KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU

(Dành cho cán bộ nhận đơn)

☐

☐

☐

☐

☐

☐

Cán bộ nhận đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)



CAM KẾT CỦA NGƯỜI YÊU CẦU

Tôi xin cam đoan các thông tin, tài liệu trong đơn là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại: ngày ... tháng ... năm...

Chữ ký, họ tên người yêu cầu

³ Tên cơ quan quản lý nhà nước về cấp thẻ giám định viên tại địa phương.

	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG Số: /GDV	
(Ảnh 3 x 4)	Họ và tên: Ngày sinh: Số CMND/CCCD: Địa chỉ thường trú:
Chữ ký của người được cấp Thẻ	THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CẤP THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN TẠI ĐỊA PHƯƠNG <i>(Ký và đóng dấu)</i>

1. Thẻ này được cấp theo Quyết định số ngày..... tháng..... năm..... của Thủ trưởng Cơ quan quản lý nhà nước về cấp thẻ giám định viên tại địa phương).

2. Người được cấp Thẻ này được hành nghề giám định quyền đối với giống cây trồng và có nghĩa vụ yêu cầu cấp lại Thẻ khi có thay đổi thông tin liên quan đã được ghi nhận trong Thẻ.

3. Thẻ này bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Có chứng cứ khẳng định rằng Thẻ giám định viên được cấp trái với quy định pháp luật;

b) Người được cấp Thẻ giám định viên không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ;

c) Người được cấp Thẻ giám định viên từ bỏ hoạt động giám định;

d) Người được cấp Thẻ giám định viên bị xử phạt bằng hình thức thu hồi Thẻ giám định viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Tên TTHC: Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân - Mã TTHC: 1.011999

(1) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân yêu cầu thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Bước 2: Quyết định thu hồi hoặc quyết định từ chối thu hồi

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo bằng văn bản về yêu cầu này cho người được cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng và ấn định thời hạn là 15 ngày kể từ ngày ra thông báo để người đó có ý kiến. Trên cơ sở xem xét ý kiến của các bên, Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng hoặc quyết định từ chối thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng cho các bên.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:
 - + Quầy số 14 - Số ĐT: 02733.993890 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;
 - + Quầy số 13 - Số ĐT: 02733.898.962 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: Số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính;
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- a) Nộp trực tiếp.
- b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính.
- c) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Hồ sơ gồm:

- Đơn yêu cầu thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 06 Phụ lục II Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;
- Chứng cứ chứng minh căn cứ đề nghị thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng.

* Số lượng: 01 bộ hồ sơ.

(5) Thời hạn giải quyết: Kể từ ngày nhận được yêu cầu thu hồi đến khi người được cấp Thẻ có ý kiến: 30 ngày.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức; Cá nhân.

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng hoặc quyết định từ chối thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng.

(9) Lệ phí, phí (nếu có): Không

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn yêu cầu thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 06 Phụ lục II Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Có chứng cứ khẳng định rằng Thẻ giám định viên được cấp trái với quy định pháp luật;

- Người được cấp Thẻ giám định viên không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ;

- Người được cấp Thẻ giám định viên từ bỏ hoạt động giám định;

- Người được cấp Thẻ giám định viên bị xử phạt bằng hình thức thu hồi Thẻ giám định viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Khoản 3 Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12; Luật số 07/2022/QH15).

- Điều 112 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

- Điều 16 Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

- Đơn yêu cầu thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 06 Phụ lục II Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;

- Chứng cứ chứng minh căn cứ đề nghị thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Quyết định thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng hoặc quyết định từ chối thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN YÊU CẦU THU HỒI THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN/GIẤY CHỨNG NHẬN TỔ CHỨC
 GIÁM ĐỊNH QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG**

Kính gửi¹:

1. Người làm đơn:

Tên tổ chức/cá nhân:

Địa chỉ:.....

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (*đối với các tổ chức khác*) hoặc Số CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân (*trường hợp người đăng ký là cá nhân*):

Điện thoại:.....E-mail:.....

2. Thông tin về Thẻ giám định viên/Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng đề nghị thu hồi:

Tên tổ chức/cá nhân:.....

Số thẻ giám định viên/số Giấy chứng nhận:

Ngày cấp:.....

3. Căn cứ đề nghị thu hồi Thẻ giám định viên/Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng:.....

4. Cam kết

(Tổ chức, cá nhân)..... cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại: ... ngày... tháng ... năm ...

Người làm đơn

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)

¹ Tên cơ quan cấp Thẻ giám định viên/Giấy chứng nhận.

4. Tên TTHC: Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng - Mã TTHC: 1.012003

(1) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức nộp hồ sơ đến Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Bước 2: Thẩm định hồ sơ và trả kết quả

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét hồ sơ theo quy định sau đây:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định, trong đó ghi rõ tên đầy đủ, tên giao dịch, địa chỉ của tổ chức, Danh sách giám định viên quyền đối với giống cây trồng là thành viên của tổ chức; ghi nhận vào Danh sách tổ chức giám định và công bố trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định;

+ Trường hợp hồ sơ có thiếu sót, Ủy ban nhân dân tỉnh ra thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để tổ chức nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Khi hết thời hạn đã ấn định mà tổ chức nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định từ chối cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

- Bước 3: Công bố Danh sách tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.

Ủy ban nhân dân tỉnh lập Danh sách tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo các quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng. Danh sách tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 14 - Số ĐT: 02733.993890 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;

+ Quầy số 13 - Số ĐT: 02733.898962 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: Tòa nhà bưu điện tỉnh Đồng Tháp, Số 10, đường Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp.
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính.
- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Hồ sơ gồm:

- Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II của Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;
- Bản sao chứng thực Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên sở hữu công nghiệp hoạt động cho tổ chức.

* Số lượng: 01 bộ hồ sơ.

(5) Thời hạn giải quyết: Quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng: 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 12 Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP hoặc quyết định từ chối cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.

(9) Lệ phí, phí (nếu có): Không

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp, tổ chức hành nghề luật sư được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật có ít nhất một cá nhân có Thẻ giám định viên sở hữu trí tuệ được thực hiện hoạt động giám định về sở hữu trí tuệ.

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Khoản 2 Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12; Luật số 07/2022/QH15).

- Điều 113 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

- Điều 17 Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

- Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II của Nghị định số 15/2026/NĐ-CP;

- Bản sao chứng thực Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên sở hữu công nghiệp hoạt động cho tổ chức.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá: Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 12 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ hoặc quyết định từ chối cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.

Mẫu 04**TỜ KHAI**

**YÊU CẦU CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH QUYỀN ĐỐI VỚI
GIỐNG CÂY TRỒNG**

Kính gửi¹:

DẤU NHẬN ĐƠN

*(Dành cho cán bộ
nhận đơn)*

Tổ chức dưới đây yêu cầu cấp/cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng:

① TỔ CHỨC YÊU CẦU CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Tên đầy đủ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

② NỘI DUNG YÊU CẦU

☐ Cấp Giấy chứng nhận lần đầu

☐ Cấp lại Giấy chứng nhận

Số Giấy chứng nhận đã cấp:

Lý do cấp lại: ☐ Giấy chứng nhận bị lỗi

☐ Thay đổi thông tin trong Giấy chứng nhận

③ DANH SÁCH GIÁM ĐỊNH VIÊN THUỘC TỔ CHỨC

STT	Họ và tên	Số Thẻ giám định viên

④ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN

☐ Tờ khai theo mẫu

☐ Bản sao (có chứng thực) Giấy đăng ký hoạt động liên quan

☐ Bản sao (có chứng thực) quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên thuộc tổ chức

☐ Giấy chứng nhận tổ chức giám định đã cấp (nếu yêu cầu cấp lại, trừ trường hợp bị mất)

KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU

(Dành cho cán bộ nhận đơn)

☐

☐

☐

☐

Cán bộ nhận đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

⑤ CAM KẾT CỦA NGƯỜI KHAI ĐƠN

Tôi xin cam đoan các thông tin, tài liệu trong đơn là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm

trước pháp luật.

*Khai tại: ngày ... tháng ... năm ...
Chữ ký, họ tên người khai đơn
(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu)*

¹ Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận.

**[CƠ QUAN CẤP GIẤY
CHỨNG NHẬN]**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CN- [chữ viết tắt tên cơ
quan cấp Giấy chứng nhận]

....., ngày tháng năm

GIẤY CHỨNG NHẬN

Tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng

[THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN]

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của [Cơ quan cấp Giấy chứng nhận] ban hành theo Quyết định số ... ngày... của... ;

Căn cứ Điều 113 Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

CHỨNG NHẬN:

Tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng:

Tên đầy đủ:

Tên giao dịch:

Địa chỉ:

Danh sách giám định viên quyền đối với giống cây trồng là thành viên của tổ chức:

STT	Họ và tên	Số chứng minh dân dân/căn cước công dân	Số Thẻ giám định viên	Chuyên ngành

Giấy chứng nhận này được cấp theo Quyết định số... ngày ... tháng...năm... của [Thủ trưởng cơ quan ban hành Quyết định].

**[THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN]**

5. Tên TTHC: Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng - Mã TTHC: 1.012004

(1) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức nộp hồ sơ đến Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng trong các trường hợp:

- Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng bị lỗi;
- Có sự thay đổi liên quan đến các thông tin đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo quy định tại điểm c1 khoản 2 Điều 113 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

- Bước 2: Thẩm định hồ sơ và trả kết quả:

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định, trong đó ghi rõ tên đầy đủ, tên giao dịch, địa chỉ của tổ chức, Danh sách giám định viên quyền đối với giống cây trồng là thành viên của tổ chức; ghi nhận vào Danh sách tổ chức giám định và công bố trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.

+ Trường hợp hồ sơ có thiếu sót, Ủy ban nhân dân tỉnh ra thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để tổ chức nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Khi hết thời hạn đã ấn định mà tổ chức nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì Ủy ban nhân dân ra quyết định từ chối cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

Trong trường hợp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng bị lỗi do Ủy ban nhân dân tỉnh đã cấp Giấy chứng nhận gây ra, thì cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận miễn phí trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.

- Bước 3: Công bố Danh sách tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng

Ủy ban nhân dân tỉnh lập Danh sách tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo các quyết định cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng. Danh sách tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:
 - + Quầy số 14 - Số ĐT: 02733.993890 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;
 - + Quầy số 13 - Số ĐT: 02733.898962 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: Số 10, đường Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính;
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp.
- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính.
- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

- + Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.
- + Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được sửa đổi của tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng trong trường hợp có sự thay đổi thông tin của tổ chức. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.
- + Bản sao chứng thực Quyết định tuyển dụng, hợp đồng lao động hoặc quyết định chấm dứt hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên quyền đối với giống cây trồng hoạt động cho tổ chức trong trường hợp có sự thay đổi về giám định viên quyền đối với giống cây trồng.

- ***Số lượng hồ sơ:*** 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết:

- Quyết định Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với

giống cây trồng: 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng bị lỗi do Ủy ban nhân dân tỉnh: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 12 Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP hoặc quyết định từ chối cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.

(9) Lệ phí, phí (nếu có): Không.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 113 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

- Điều 17 Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

+ Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.

+ Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được sửa đổi của tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng trong trường hợp có sự thay đổi thông tin của tổ chức.

+ Bản sao chứng thực Quyết định tuyển dụng, hợp đồng lao động hoặc quyết định chấm dứt hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên quyền đối với giống cây trồng hoạt động cho tổ chức trong trường hợp có sự thay đổi về giám định viên quyền đối với giống cây trồng.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá: Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 12 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ hoặc quyết định từ chối cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.

TỜ KHAI

**YÊU CẦU CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH QUYỀN ĐỐI VỚI
GIỐNG CÂY TRỒNG**

DẤU NHẬN ĐƠN

*(Dành cho cán bộ
nhận đơn)*

Kính gửi¹:

Tổ chức dưới đây yêu cầu cấp/cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng:

① TỔ CHỨC YÊU CẦU CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Tên đầy đủ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

② NỘI DUNG YÊU CẦU

☐ Cấp Giấy chứng nhận lần đầu

☐ Cấp lại Giấy chứng nhận Số Giấy chứng nhận đã cấp:

Lý do cấp lại: ☐ Giấy chứng nhận bị lỗi

☐ Thay đổi thông tin trong Giấy chứng nhận

③ DANH SÁCH GIÁM ĐỊNH VIÊN THUỘC TỔ CHỨC

STT	Họ và tên	Số Thẻ giám định viên

④ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN

☐ Tờ khai theo mẫu

☐ Bản sao (có chứng thực) Giấy đăng ký hoạt động liên quan

☐ Bản sao (có chứng thực) quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên thuộc tổ chức

☐ Giấy chứng nhận tổ chức giám định đã cấp (nếu yêu cầu cấp lại, trừ trường hợp bị mất)

KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU

(Dành cho cán bộ nhận đơn)

☐

☐

☐

☐

Cán bộ nhận đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

⑤ CAM KẾT CỦA NGƯỜI KHAI ĐƠN

Tôi xin cam đoan các thông tin, tài liệu trong đơn là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Khai tại: ngày ... tháng ... năm ...
Chữ ký, họ tên người khai đơn
(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu)*

¹ Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận.

**[CƠ QUAN CẤP GIẤY
CHỨNG NHẬN]**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CN- [chữ viết tắt tên cơ
quan cấp Giấy chứng nhận]

....., ngày tháng năm

GIẤY CHỨNG NHẬN

Tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng

[THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN]

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của [Cơ quan cấp Giấy chứng nhận] ban hành theo Quyết định số ... ngày... của... ;

Căn cứ Điều 113 Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

CHỨNG NHẬN:

Tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng:

Tên đầy đủ:

Tên giao dịch:

Địa chỉ:

Danh sách giám định viên quyền đối với giống cây trồng là thành viên của tổ chức:

STT	Họ và tên	Số chứng minh dân dân/căn cước công dân	Số Thẻ giám định viên	Chuyên ngành

Giấy chứng nhận này được cấp theo Quyết định số... ngày ... tháng...năm... của [Thủ trưởng cơ quan ban hành Quyết định].

**[THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN]**

6. Tên TTHC: Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân - Mã TTHC: 1.012000

(1) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng nộp hồ sơ đến Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Bước 2: Quyết định thu hồi hoặc quyết định từ chối thu hồi

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo bằng văn bản về yêu cầu này cho tổ chức được cấp Giấy chứng nhận và ấn định thời hạn là 15 ngày kể từ ngày ra thông báo để tổ chức đó có ý kiến. Trên cơ sở xem xét ý kiến của các bên, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đó ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng hoặc quyết định từ chối thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng cho các bên.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 14 - Số ĐT: 02733.993890 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;

+ Quầy số 13 - Số ĐT: 02733.898962 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: Số 10, đường Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp.

b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính.

c) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Hồ sơ gồm:

- Đơn yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 06 Phụ lục II Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.

- Chứng cứ chứng minh căn cứ đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.

* Số lượng: 01 bộ hồ sơ.

(5) Thời hạn giải quyết: Kể từ ngày nhận được yêu cầu thu hồi đến khi tổ chức được cấp Giấy chứng nhận có ý kiến: 30 ngày.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức; Cá nhân.

(7) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng hoặc quyết định từ chối thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.

(9) Lệ phí, phí (nếu có): Không

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 06 Phụ lục II Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có chứng cứ khẳng định rằng Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng được cấp trái với các quy định của pháp luật;

- Tổ chức không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ;

- Tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng chấm dứt hoạt động giám định.

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Khoản 2 Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12; Luật số 07/2022/QH15).

- Điều 113 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

- Điều 17 Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

- Đơn yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 06 Phụ lục II Nghị định số 15/2026/NĐ-CP.

- Chứng cứ chứng minh căn cứ đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá: Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng hoặc quyết định từ chối thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN YÊU CẦU THU HỒI THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN/GIẤY CHỨNG NHẬN
 TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG**

Kính gửi¹:

1. Người làm đơn:

Tên tổ chức/cá nhân:

Địa chỉ:

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (*đối với các tổ chức khác*) hoặc Số CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân (*trường hợp người đăng ký là cá nhân*):

Điện thoại:.....E-mail:.....

2. Thông tin về Thẻ giám định viên/Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng đề nghị thu hồi:

Tên tổ chức/cá nhân:

Số thẻ giám định viên/số Giấy chứng nhận:

Ngày cấp:

3. Căn cứ đề nghị thu hồi Thẻ giám định viên/Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng:

4. Cam kết

(Tổ chức, cá nhân)..... cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại: ... ngày... tháng ... năm ...

Người làm đơn

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng
 dấu nếu có)*

¹ Tên cơ quan cấp Thẻ giám định viên/Giấy chứng nhận.

(Theo Quyết định số 278/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

7. Tên TTHC: Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính. Mã TTHC - 1.008003

(1) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính (nơi có cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng) bằng hình thức trực tiếp hoặc qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Bước 2: Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ

Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Bước 3: Tổ chức thẩm định

*** Cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng**

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng. Hội đồng có tối thiểu 05 thành viên là đại diện các nhà khoa học, cơ quan quản lý và cơ quan chuyên môn liên quan. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thành lập, Hội đồng có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng tại địa điểm có cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng.

+ Trường hợp cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng đáp ứng đủ điều kiện, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thẩm định, cơ quan có thẩm quyền được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng theo Mẫu số 23, Mẫu số 24 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

*** Phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng**

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định. Trường hợp cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định ban hành Quyết định phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng; trường hợp không

cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:
 - + Quầy số 14 - Số ĐT: 02733.993890 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;
 - + Quầy số 13 - Số ĐT: 02733.898962 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: Số 10, đường Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính;
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- a) Nộp trực tiếp.
- b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính.
- c) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

- * Hồ sơ Cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng:
 - Văn bản đề nghị cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng theo Mẫu số 20 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.
 - Báo cáo kết quả bình tuyển cây đầu dòng theo Mẫu số 21 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; báo cáo kết quả thiết lập vườn cây đầu dòng theo Mẫu số 22 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.
- * Hồ sơ phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng:
 - Văn bản đề nghị cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng.

* Số lượng: 01 bộ

(5) Thời hạn giải quyết:

- * Cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: Thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- * Phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: Thời

hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức; Cá nhân.

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng theo Mẫu số 23, Mẫu số 24 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT

(9) Lệ phí, phí (nếu có): Không quy định

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng theo Mẫu số 20 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

- Báo cáo kết quả bình tuyển cây đầu dòng theo Mẫu số 21 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; báo cáo kết quả thiết lập vườn cây đầu dòng theo Mẫu số 22 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 24 Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018.

- Điều 15 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Điều 16 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Điều 8 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

* Hồ sơ Cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng:

- Văn bản đề nghị cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng theo Mẫu số 20 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

- Báo cáo kết quả bình tuyển cây đầu dòng theo Mẫu số 21 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; báo cáo kết quả thiết lập vườn cây đầu dòng theo Mẫu số 22 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

* Hồ sơ phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng:

Văn bản đề nghị cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng

PHỤ LỤC II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Mẫu số 20**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:

....., ngày... tháng... năm

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
CÂY ĐÀU DÒNG/VƯỜN CÂY ĐÀU DÒNG CÂY CÔNG NGHIỆP, CÂY ĂN QUẢ LÂU
NĂM**

Kính gửi:.....*Tên cơ quan có thẩm quyền*)

1. Tên tổ chức, cá nhân:

Số định danh/mã số thuế/mã số doanh nghiệp/ số CCCD:

2. Địa chỉ:

Điện thoại.....E-mail

3. Tên loài cây:

4. Tên giống cây:

5. Vị trí hành chính và địa lý của cây đầu dòng/vườn cây đầu dòng:

Thôn..... xã..... tỉnh/thành phố:

6. Các thông tin chi tiết về cây đầu dòng/vườn cây đầu dòng đăng ký công nhận:

- Năm trồng:

- Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (cây ghép, cây giâm hom, cây chiết cành và vật liệu nhân giống khác):.....

- Tình hình sinh trưởng (chiều cao, đường kính tán cây, tình hình sâu bệnh hại và một số chỉ tiêu liên quan đến sinh trưởng):

- Năng suất, chất lượng của giống (nêu những chỉ tiêu chủ yếu):

Đối với vườn cây đầu dòng, cần có thêm những thông tin sau:

- Mã hiệu nguồn giống (cây đầu dòng):

- Diện tích vườn (m²):

- Khoảng cách trồng (m x m):

Chúng tôi xin cam kết thực hiện nộp phí bình tuyển, thẩm định, công nhận theo đúng quy định./.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN*(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)*

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày... tháng... năm

BÁO CÁO**Kết quả bình tuyển cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm**

1. Tên tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký cấp Quyết định cây đầu dòng:

Số định danh/mã số thuế/mã số doanh nghiệp/ số CCCD:

2. Địa chỉ:

Điện thoại.....E-mail

3. Tên loài cây:

4. Tên giống cây:.....

5. Vị trí hành chính và địa lý của cây đầu dòng:

Thôn..... xã..... tỉnh/thành phố:

.....Tọa độ địa lý:

Họ tên chủ hộ có cây đầu dòng:

6. Thời gian, chỉ tiêu và phương pháp bình tuyển, tên tiêu chuẩn chất lượng cây đầu dòng (kèm bản photocopy Quyết định công bố đối với tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chí bình tuyển).

7. Kết quả bình tuyển:

a). Thông tin sơ bộ về quần thể bình tuyển:

- Năm trồng:

- Nguồn gốc xuất xứ:.....

- Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (cây ghép, cây chiết cành,...):

- Quy mô diện tích, số lượng cây trong quần thể thực hiện bình tuyển:

- Quy trình kỹ thuật chăm sóc đang áp dụng:

b) Thông tin chi tiết cây đầu dòng bình tuyển (đánh giá từng chỉ tiêu cụ thể, so sánh với tiêu chuẩn chất lượng cây đầu dòng)

- Tính đúng giống.

- Tình hình sinh trưởng.

- Tình hình sâu bệnh hại.

- Năng suất.

- Chất lượng

- Chỉ tiêu khác.

- Đề xuất số lượng vật liệu nhân giống khai thác tối đa/năm sau khi được công nhận cây đầu dòng.
- Không nhiễm bệnh Greening, Tristeza (đối với cây có mùi)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LẬP BÁO CÁO
(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Mẫu số 22

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày... tháng... năm

BÁO CÁO**Kết quả thiết lập vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm**

1. Tên tổ chức, cá nhân đứng tên đăng ký cấp Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng:

.....

Số định danh/mã số thuế/mã số doanh nghiệp/ số CCCD:

2. Địa chỉ:

Điện thoại.....E-mail

3. Tên loài cây:

4. Tên giống cây:.....

5. Vị trí hành chính và địa lý của vườn cây đầu dòng:

Thôn..... xã..... tỉnh/thành phố:

Tọa độ địa lý:

Họ tên chủ hộ có vườn cây đầu dòng:

6. Thời gian, chỉ tiêu và phương pháp thiết lập, tên tiêu chuẩn chất lượng vườn cây đầu dòng (kèm bản photocopy Quyết định công bố đối với tiêu chuẩn cơ sở).

7. Thông tin về vườn cây đầu dòng (đánh giá từng chỉ tiêu cụ thể, so sánh với tiêu chuẩn chất lượng vườn cây đầu dòng)

- Năm trồng:

- Nguồn gốc xuất xứ:.....

- Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (cây ghép, cây chiết cành,...):

- Mật độ, khoảng cách trồng:

- Quy mô diện tích, số lượng cây:

- Quy trình kỹ thuật chăm sóc đang áp dụng:

- Tính đúng giống:

- Tình hình sinh trưởng:

- Tình hình sâu bệnh hại:

- Năng suất, chất lượng và chỉ tiêu khác (nếu có):
- Đề xuất số lượng vật liệu nhân giống khai thác tối đa/năm sau khi được công nhận vườn cây đầu dòng.
- Không nhiễm bệnh Greening, Tristeza (đối với vườn cây đầu dòng cây có múi)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LẬP BÁO CÁO

(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

**TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /QĐ -.....(1) – (2).....

....., ngày... tháng... năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận cây đầu dòng

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số...../2026/TT-BNNMT ngày.....tháng.....năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;

Căn cứ(3).....;

Căn cứ(4).....;

Căn cứ Biên bản họp ngày ... tháng ... năm 20 của Hội đồng thẩm định cây đầu dòng;

Xét đề nghị của.....(5)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận cây đầu dòng(6) (trường hợp có nhiều cây đầu dòng được công nhận:(7)..... Mã hiệu cây đầu dòng: (8).....;

Tổ chức, cá nhân đăng ký công nhận cây đầu dòng:

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đăng ký công nhận cây đầu dòng

Tổ chức, cá nhân đăng ký công nhận cây đầu dòng có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 33 Luật Trồng trọt và các quy định pháp lý khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị liên quan; tổ chức, cá nhân đăng ký công nhận cây đầu dòng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều:.....;

-.....

- Lưu: VT,

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

Ghi chú:

(1): Chữ viết tắt tên cơ quan ban hành quyết định.

(2): Chữ viết tắt tên cơ quan thực hiện công nhận cây đầu dòng

(3): Nêu các căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức)

- (4): Các văn bản pháp lý liên quan trực tiếp đến vấn đề giải quyết trong nội dung quyết định
- (5): Chức vụ của lãnh đạo cơ quan thực hiện công nhận cây đầu dòng
- (6): Ghi rõ tên của loài, giống cây đầu dòng được công nhận (ví dụ: xoài cát Hòa Lộc)
- (7): Danh sách cây đầu dòng được công nhận
- (8): Ghi mã hiệu cây đầu dòng như tại Giấy công nhận

**TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày... tháng... năm ...

**GIẤY CÔNG NHẬN CÂY ĐÀU DÒNG CÂY CÔNG NGHIỆP,
CÂY ẮN QUẢ LÂU NĂM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Tên cơ quan có thẩm quyền công nhận:

Mã hiệu nguồn giống	Cây thứ 1: Cây thứ 2: Cây thứ 3:
Loài cây	Tên khoa học: Tên Việt Nam: Tên xuất xứ (nếu có):.....
Địa chỉ nguồn giống	Thôn (Ấp/bản) xã.....tỉnh/thành phố:
Tên và địa chỉ của chủ nguồn giống kèm số ĐT/E-mail (nếu có)	Thôn (Ấp/bản) xã.....tỉnh/thành phố:
Tuổi cây (năm)	Cây thứ 1: Cây thứ 2: Cây thứ 3:
Tổng mức vật liệu nhân giống tối đa cho phép khai thác/năm (loại vật liệu/đơn vị tính/số lượng)	Năm.....: Năm.....: Năm.....:

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

**TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN**

Mẫu số 24
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /QĐ -.....(1) – (2)....., ngày... tháng... năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận vườn cây đầu dòng

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số...../2026/TT-BNNMT ngày.....tháng.....năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;

Căn cứ(3).....;

Căn cứ(4).....;

Căn cứ Biên bản họp ngày ... tháng ... năm 20 của Hội đồng thẩm định cây đầu dòng;

Xét đề nghị của.....(5)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận vườn cây đầu dòng.....(6) (trường hợp có nhiều vườn cây đầu dòng được công nhận:(7)..... Mã hiệu vườn cây đầu dòng:(8).....;

Tổ chức, cá nhân đăng ký công nhận vườn cây đầu dòng:

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đăng ký công nhận vườn cây đầu dòng

Tổ chức, cá nhân đăng ký công nhận vườn cây đầu dòng có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 33 Luật Trồng trọt và các quy định pháp lý khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị liên quan; tổ chức, cá nhân đăng ký công nhận vườn cây đầu dòng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều:.....;

- Lưu: VT,

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

Ghi chú:

(1): Chữ viết tắt tên cơ quan ban hành quyết định.

(2): Chữ viết tắt tên cơ quan thực hiện công nhận vườn cây đầu dòng

(3): Nêu các căn cứ trực tiếp để ban hành quyết định (văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức)

(4): Các văn bản pháp lý liên quan trực tiếp đến vấn đề giải quyết trong nội dung quyết định

- (5): Chức vụ của lãnh đạo cơ quan thực hiện công nhận vườn cây đầu dòng
- (6): Ghi rõ tên của loài, giống cây đầu dòng được công nhận (ví dụ: xoài cát Hòa Lộc)
- (7): Danh sách vườn cây đầu dòng được công nhận
- (8): Ghi mã hiệu vườn cây đầu dòng như tại Giấy công nhận

**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ
THẨM QUYỀN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày... tháng... năm

**GIẤY CÔNG NHẬN VƯỜN CÂY ĐÀU DÒNG CÂY CÔNG NGHIỆP,
CÂY ẲN QUẢ LẬU NĂM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ...)

Tên cơ quan có thẩm quyền tỉnh/thành phốcông nhận:

Mã hiệu nguồn giống	
Loài cây	Tên khoa học: Tên Việt Nam: Tên xuất xứ (nếu có):.....
Địa chỉ nguồn giống	Thôn (Ấp/bản) xã.....tỉnh/thành phố:
Tên và địa chỉ của chủ nguồn giống kèm số ĐT/E-mail (nếu có)	Thôn (Ấp/bản) xã.....tỉnh/thành phố:
Thời gian trồng	Thángnăm.....
Diện tích vườn (m ²)	
Số lượng cây (cây)	
Tổng mức vật liệu nhân giống tối đa cho phép khai thác/năm (loại vật liệu/đơn vị tính/số lượng)	Năm.....: Năm.....: Năm.....:

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

8. Tên TTHC: Cấp, cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng. Mã TTHC - 1.007998

(1) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính (nơi tổ chức đặt trụ sở) bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Bước 2: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ:

(i) Trường hợp cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng:

Trong thời hạn 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

Trường hợp tổ chức không hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm nộp lại hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

(ii) Trường hợp cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

- Bước 4: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét cấp, cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm; trường hợp không cấp, cấp lại, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 5: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính đăng tải Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây

trồng trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan ngay sau khi cấp, cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:
 - + Quầy số 14 - Số ĐT: 02733.993890 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp.
 - + Quầy số 13 - Số ĐT: 02733.898962 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: Số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường.
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- a) Nộp trực tiếp.
- b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính.
- c) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

- a) Hồ sơ cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng:
 - + Văn bản đề nghị cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng (theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP).
 - + Bản sao văn bằng của người trực tiếp phụ trách khảo nghiệm.
 - + Tài liệu chứng minh địa điểm, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị thực hiện khảo nghiệm theo tiêu chuẩn quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng.
 - b) Hồ sơ cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng:
 - + Văn bản đề nghị cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng (theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP).
 - + Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin liên quan đến tổ chức khảo nghiệm trong Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng.
- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây

trồng: Thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng (theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP).

- Quyết định về việc cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng (theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP).

- Đăng tải Quyết định trên cổng thông tin điện tử của *Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính*.

(9) Lệ phí, phí (nếu có): Không

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng (theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP).

- Văn bản đề nghị cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng (theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP).

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Người trực tiếp phụ trách khảo nghiệm có trình độ từ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về cây trồng, bảo vệ thực vật, sinh học.

- Có hoặc thuê địa điểm, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phù hợp để thực hiện khảo nghiệm theo tiêu chuẩn quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng đối với loài cây trồng được khảo nghiệm.

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 21 Luật Trồng trọt năm 2018.

- Điều 15 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Điều 7 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

- Điều 15 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

a) Hồ sơ cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng:

+ Văn bản đề nghị cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng (theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP).

+ Bản sao văn bằng của người trực tiếp phụ trách khảo nghiệm.

+ Tài liệu chứng minh địa điểm, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị thực hiện khảo nghiệm theo tiêu chuẩn quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng.

b) Hồ sơ cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng:

+ Văn bản đề nghị cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng (theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP).

+ Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin liên quan đến tổ chức khảo nghiệm trong Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

- Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng (theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP).

- Quyết định về việc cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng (theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP).

Phụ lục II*(Kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)*

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng ... năm ...

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN TỔ CHỨC KHẢO NGHIỆM GIỐNG CÂY TRỒNG**

Kính gửi:(Tên cơ quan có thẩm quyền).

1. Tên tổ chức đề nghị:

Địa chỉ:

Số định danh/ mã số thuế/ mã số doanh nghiệp:

Điện thoại:..... Fax:.....E-mail:.....

2. Loại cây trồng đề nghị được tiến hành khảo nghiệm:

3. Nội dung khảo nghiệm

- Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định: ☐- Khảo nghiệm giá trị canh tác, giá trị sử dụng diện hẹp trên đồng ruộng: ☐- Khảo nghiệm giá trị canh tác, giá trị sử dụng diện rộng trên đồng ruộng: ☐- Khảo nghiệm có kiểm soát: ☐

4. Vùng khảo nghiệm:

5. Điều kiện thực hiện khảo nghiệm:

a) Đất đai

- Địa điểm.....

- Diện tích (ha)

- Tình trạng pháp lý của đất (được cấp, thuê...)

- Địa hình: (dốc, đồi núi, đồng bằng, ven biển...)

- Loại đất, thành phần cơ giới: (đất ruộng, đất bãi, đất đồi)

- Tưới tiêu: (tự chảy, bằng máy)

b) Nhà lưới

- Địa điểm.....

- Diện tích (ha)

c) Nhà kính

- Địa điểm.....

- Diện tích (ha)

d) Trang thiết bị

- Thiết bị chung:

- Thiết bị chuyên ngành:

đ) Nhân viên kỹ thuật

TT	Trình độ chuyên môn	Số lượng	Thời gian, công tác chuyên môn
1	Tiến sỹ		
2	Thạc sỹ		
3	Kỹ sư		
4	Cán bộ kỹ thuật (Trung cấp)		
5	Công nhân kỹ thuật		
Tổng số			

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin nêu trên và thông tin trong các văn bản kèm theo hồ sơ đề nghị cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ
(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng... năm ...

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
 TỔ CHỨC KHẢO NGHIỆM GIỐNG CÂY TRỒNG**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên tổ chức đề nghị:

Địa chỉ:

Số định danh/ mã số thuế/ mã số doanh nghiệp:

Điện thoại:..... Fax: E-mail:.....

2. Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng đã cấp: Số..... ngày ... tháng... năm... (kèm theo bản photo Quyết định nếu có):....

3. Lý do đề nghị cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng:

.....

.....

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin nêu trên và thông tin trong các văn bản kèm theo hồ sơ đề nghị cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng./.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ
 (Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

**TÊN CƠ QUAN
CÓ THẨM QUYỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-.....

....., ngày ... tháng ... năm...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng

(LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN)

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số ... /QĐ-... ngày ... tháng ... năm ... của quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của.....(tên cơ quan có thẩm quyền);

Căn cứ đề nghị của tổ chức, cá nhân tại văn bản số..... ngày ... tháng ... năm...;

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ và đề nghị của... (1).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tổ chức(2) đủ điều kiện khảo nghiệm giống cây trồng.

Loài cây trồng khảo nghiệm:.....

Nội dung khảo nghiệm:.....

Vùng khảo nghiệm:.....

Điều 2. Tổ chức khảo nghiệm có tên tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện khảo nghiệm theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4.; tổ chức khảo nghiệm, Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
-;
- Lưu: VT,....

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

(1) Lãnh đạo đơn vị thuộc cơ quan có thẩm quyền được giao nhiệm vụ thẩm định hồ sơ công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng.

(2) Tên tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng.

**TÊN CƠ QUAN
CÓ THẨM QUYỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-.....-

....., ngày ... tháng ... năm...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng

(LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN)

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số ... /QĐ-... ngày ... tháng ... năm ... của quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của.....(tên cơ quan có thẩm quyền);

Căn cứ đề nghị của tổ chức, cá nhân tại văn bản số..... ngày ... tháng ... năm...;

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ và đề nghị của... (1).

Điều 1. Cấp lại Quyết định công nhận tổ chức(2) đủ điều kiện khảo nghiệm giống cây trồng.

Loài cây trồng khảo nghiệm:.....

Nội dung khảo nghiệm:.....

Vùng khảo nghiệm:.....

Điều 2. Tổ chức khảo nghiệm có tên tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện khảo nghiệm theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4.; tổ chức khảo nghiệm, Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
-;
- Lưu: VT,....

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)

(1) Lãnh đạo đơn vị thuộc cơ quan có thẩm quyền được giao nhiệm vụ thẩm định hồ sơ công nhận lại tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng.

(2) Tên tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng.

9. Tên TTHC: Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng. Mã TTHC - 1.012072

(1) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Bước 2: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Bước 3: Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 38 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 14 - Số ĐT: 02733.993890 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp.

+ Quầy số 13 - Số ĐT: 02733.898962 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: Số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường.

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp.

b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính.

c) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đơn yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng, theo Mẫu số 37 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

+ 02 ảnh cỡ 3 cm x 4 cm.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng (theo Mẫu số 38 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP).

(9) Lệ phí, phí (nếu có): Không

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 37 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Là công dân Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Thường trú tại Việt Nam;
- Có bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương;
- Đã trực tiếp làm công tác pháp luật về quyền đối với giống cây trồng từ năm năm trở lên hoặc đã trực tiếp làm công tác thẩm định đơn đăng ký quyền đối với giống cây trồng tại cơ quan quốc gia hoặc quốc tế về quyền đối với giống cây trồng từ năm năm trở lên hoặc đã tốt nghiệp khóa đào tạo pháp luật về quyền đối với giống cây trồng được cơ quan có thẩm quyền công nhận;
- Không phải là công chức, viên chức, người lao động đang làm việc tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác lập và bảo vệ quyền đối với giống cây trồng;
- Đã đạt yêu cầu tại kỳ kiểm tra về nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng do cơ quan có thẩm quyền tổ chức.

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Khoản 6 Điều 165 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 66 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022).
- Luật số 131/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.
- Điều 28 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng.
- Điều 23 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt

và bảo vệ thực vật.

- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

- Đơn yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 37 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

- 02 ảnh cỡ 3 cm x 4 cm.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng (theo Mẫu số 38 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP).

Phụ lục V*(Kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)***Mẫu số 37**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN YÊU CẦU CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DỊCH VỤ
 ĐẠI DIỆN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG**

Kính gửi:..... *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Số Hộ chiếu/CCCD:
- Ngày cấp: Nơi cấp
5. Địa chỉ thường trú:
6. Số điện thoại: Địa chỉ Email:
7. Đơn vị công tác *(Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở)*:
8. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo)*:
9. Đã đạt yêu cầu tại kỳ kiểm tra về nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng ngày..... tháng.... năm..... do..... tổ chức.

Tôi làm đơn này đề nghị được cấp chứng chỉ hành nghề đại diện quyền đối với giống cây trồng.

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Người nộp đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

**MẪU CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DỊCH VỤ
ĐẠI DIỆN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG**

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN _____	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc _____ , ngày ... tháng ... năm...
Ảnh	CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG Mã số...../DVĐD Họ và tên: Năm sinh: Địa chỉ thường trú: Số Hộ chiếu/CCCD:nơi cấp.....ngày cấp.....
CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN	

10. Tên TTHC: Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ. Mã TTHC - 1.012071

(1) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có yêu cầu sửa đổi, đình chỉ hiệu lực, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Bước 2: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Bước 3: Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng; trường hợp không sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 14 - Số ĐT: 02733.993890 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp.

+ Quầy số 13 - Số ĐT: 02733.898962 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: Số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường.

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp.

b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính.

c) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị sửa đổi, đình chỉ hiệu lực, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng theo Mẫu số 34 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Tài liệu chứng minh việc sửa đổi, đình chỉ hiệu lực, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc là có căn cứ và không gây thiệt hại cho người được chuyển giao quyền sử dụng bắt buộc.

+ Bản chính văn bản ủy quyền trường hợp nộp yêu cầu thông qua Tổ chức dịch vụ đại diện quyền. Nội dung của văn bản ủy quyền gồm: bên ủy quyền, bên được ủy quyền, phạm vi và khối lượng công việc được ủy quyền, thời hạn ủy quyền.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, Cá nhân

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định sửa đổi, đình chỉ hiệu lực, hủy bỏ hiệu lực của quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng.

(9) Lệ phí, phí (nếu có): Không

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị sửa đổi, đình chỉ hiệu lực, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng theo Mẫu số 34 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 131/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.

- Điều 24 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng.

- Điều 21 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

+ Đơn đề nghị sửa đổi, đình chỉ hiệu lực, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng theo Mẫu số 34 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Tài liệu chứng minh việc sửa đổi, đình chỉ hiệu lực, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc là có căn cứ và không gây thiệt hại cho người được chuyển giao quyền sử dụng bắt buộc.

+ Bản chính văn bản ủy quyền trường hợp nộp yêu cầu thông qua Tổ chức dịch vụ đại diện quyền. Nội dung của văn bản ủy quyền gồm: bên ủy quyền, bên được ủy quyền, phạm vi và khối lượng công việc được ủy quyền, thời hạn ủy quyền.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Quyết định sửa đổi, đình chỉ hiệu lực, hủy bỏ hiệu lực của quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng.

Phụ lục V*(Kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)***Mẫu số 34**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, ĐÌNH CHỈ HIỆU LỰC, HỦY BỎ HIỆU LỰC CỦA
 QUYẾT ĐỊNH CHUYỂN GIAO BẮT BUỘC QUYỀN SỬ DỤNG GIỐNG CÂY TRỒNG**

Kính gửi:..... *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế hoặc Số CCCD/Hộ chiếu:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:.....E-mail:.....

2. Chủ sở hữu Bằng bảo hộ hoặc người được chủ sở hữu chuyển giao độc quyền

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế hoặc Số CCCD/Hộ chiếu:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:.....E-mail:.....

3. Thông tin về giống cây trồng

- Tên giống:

- Số đơn/bằng:

4. Nội dung đề nghị:

- Sửa đổi Quyết định chuyển giao

- Đình chỉ Quyết định chuyển giao

- Hủy bỏ Quyết định chuyển giao

5. Cam kết

(Tổ chức, cá nhân)..... cam đoan mọi thông tin trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Tổ chức/Cá nhân đề nghị

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)

11. Tên TTHC: Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng. Mã TTHC - 1.012073

(1) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Bước 2: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Bước 3: Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 38 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 33/2026/NĐ-CP; trường hợp không cấp lại, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:
 - + Quầy số 14 - Số ĐT: 02733.993890 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp.
 - + Quầy số 13 - Số ĐT: 02733.898962 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: Số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường.
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- a) Nộp trực tiếp.
- b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính.
- c) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đơn yêu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 39 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

+ 01 ảnh cỡ 3 cm x 4 cm.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng (theo Mẫu số 38 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP).

(9) Lệ phí, phí (nếu có): Không

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn yêu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 39 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 131/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.

- Điều 29 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng.

- Điều 24 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

- Đơn yêu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 39 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

- 01 ảnh cỡ 3 cm x 4 cm.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 38 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

Phụ lục V

(Kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 39

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN YÊU CẦU CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DỊCH VỤ
 ĐẠI DIỆN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG**

Kính gửi:..... (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Số Hộ chiếu/CCCD:
- Ngày cấp: Nơi cấp:
5. Địa chỉ thường trú:
6. Số điện thoại: Địa chỉ: Email:
7. Đơn vị công tác (Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở):
8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo):
9. Đã đạt yêu cầu tại kỳ kiểm tra về nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng ngày..... tháng..... năm..... do..... tổ chức.
10. Lý do yêu cầu cấp lại:

Tôi làm đơn này đề nghị được cấp lại chứng chỉ hành nghề đại diện quyền đối với giống cây trồng.

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Người nộp đơn
 (Ký, ghi rõ họ tên)

**MẪU CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DỊCH VỤ
ĐẠI DIỆN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG**

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm...

Ảnh

**CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG**

Mã số/DVĐD

Họ và tên:

Năm sinh:

Địa chỉ thường trú:

Số Hộ chiếu/CCCD:.....nơi cấp.....ngày cấp.....

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

12. Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc. Mã TTHC - 1.012070

(1) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Bước 2: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Bước 3: Về tổ chức thẩm định

* Trường hợp chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ nhằm mục đích công cộng, phi thương mại, phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh, an ninh lương thực và dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết của xã hội như thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, ô nhiễm môi trường trên diện rộng:

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ban hành Quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng đồng thời thông báo cho bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao để thực hiện; trường hợp không ban hành, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

* Trường hợp chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ cho người có nhu cầu và năng lực sử dụng giống cây trồng không đạt được thoả thuận với người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng về việc ký kết hợp đồng sử dụng giống cây trồng mặc dù trong 12 tháng (trừ trường hợp bất khả kháng) đã cố gắng thương lượng với mức giá và các điều kiện thương mại thoả đáng và người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng bị coi là thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm theo quy định của pháp luật về cạnh tranh:

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính thẩm định hồ sơ, thông báo cho người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng về yêu cầu chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng.

+ Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành Thông báo, người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng phải trả lời bằng văn bản.

+ Trường hợp người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng không trả lời hoặc có văn bản đồng ý với yêu cầu chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ban hành Quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng.

+ Trường hợp người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng có ý kiến phản đối với yêu cầu chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính xem xét ý kiến phản đối trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến phản đối của tổ chức, cá nhân.

+ Trường hợp yêu cầu chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng phù hợp với quy định, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ban hành Quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng và thông báo cho bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao để thực hiện.

+ Trường hợp yêu cầu chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng không có đủ căn cứ theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 21 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ, sau khi nhận được ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính ban hành thông báo từ chối và nêu rõ lý do.

Đối với những giống cây trồng được bảo hộ sử dụng với mục đích làm thuốc, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn về y tế tại địa phương ban hành quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 14 - Số ĐT: 02733.993890 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp.

+ Quầy số 13 - Số ĐT: 02733.898962 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: Số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường.

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp.

b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính.

c) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đơn yêu cầu bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng theo Mẫu số 32 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

+ Báo cáo năng lực tài chính theo Mẫu số 33 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Tài liệu chứng minh yêu cầu bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng là có căn cứ xác đáng theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 21 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP.

+ Bản chính văn bản ủy quyền trường hợp nộp hồ sơ thông qua tổ chức dịch vụ đại diện quyền. Nội dung của văn bản ủy quyền gồm: bên ủy quyền, bên được ủy quyền, phạm vi và khối lượng công việc được ủy quyền, thời hạn ủy quyền.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết:

- 12 ngày làm việc đối với trường hợp chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ nhằm mục đích công cộng, phi thương mại, phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh, an ninh lương thực và dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết của xã hội như thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, ô nhiễm môi trường trên diện rộng.

- 30 ngày làm việc đối với trường hợp chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ cho người có nhu cầu và năng lực sử dụng giống cây trồng không đạt được thỏa thuận với người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng về việc ký kết hợp đồng sử dụng giống cây trồng mặc dù trong 12 tháng (trừ trường hợp bất khả kháng) đã cố gắng thương lượng với mức giá và các điều kiện thương mại thỏa đáng và người nắm độc quyền sử dụng giống cây trồng bị coi là thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng hoặc thông báo từ chối và nêu rõ lý do.

(9) Lệ phí, phí (nếu có): Không

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn yêu cầu bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng theo

Mẫu số 32 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

- Báo cáo năng lực tài chính theo Mẫu số 33 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 131/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.

- Điều 23 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng.

- Điều 20 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

- Đơn yêu cầu bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng theo Mẫu số 32 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

- Báo cáo năng lực tài chính theo Mẫu số 33 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Tài liệu chứng minh yêu cầu bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng là có căn cứ xác đáng theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 21 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP.

- Bản chính văn bản ủy quyền trường hợp nộp hồ sơ thông qua tổ chức dịch vụ đại diện quyền. Nội dung của văn bản ủy quyền gồm: bên ủy quyền, bên được ủy quyền, phạm vi và khối lượng công việc được ủy quyền, thời hạn ủy quyền.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng hoặc thông báo từ chối và nêu rõ lý do.

Phụ lục V*(Kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)***Mẫu số 32**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN YÊU CẦU BẮT BUỘC CHUYỂN GIAO
QUYỀN SỬ DỤNG GIỐNG CÂY TRỒNG

Kính gửi:..... *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Tổ chức/cá nhân yêu cầu:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế hoặc Số CCCD/Hộ chiếu:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:.....E-mail:.....

2. Đại diện¹ (trường hợp nộp đơn qua đại diện)

Tên tổ chức/cá nhân:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế hoặc Số CCCD/Hộ chiếu:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:.....E-mail:.....

3. Chủ sở hữu Bằng bảo hộ hoặc người được chủ sở hữu chuyển giao độc quyền

Tên tổ chức/cá nhân:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế hoặc Số CCCD/Hộ chiếu:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:.....E-mail:.....

4. Thông tin giống cây trồng:

- Tên giống:

- Số đơn/bằng:

5. Phạm vi và thời gian nhận chuyển giao

- Phạm vi chuyển giao:

- Thời gian nhận chuyển giao:

6. Cam kết

(Tổ chức, cá nhân)..... cam đoan mọi thông tin trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Tổ chức/Cá nhân yêu cầu/Đại diện

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu/chữ ký số nếu có)

¹ Tổ chức dịch vụ đại diện quyền hoặc đại diện chủ sở hữu được ủy quyền trường hợp Đơn đăng ký có nhiều chủ sở hữu.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BÁO CÁO NĂNG LỰC TÀI CHÍNH**

Kính gửi:..... (Tên cơ quan có thẩm quyền).

1. Tên tổ chức/cá nhân báo cáo:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế hoặc Số CCCD/Hộ chiếu:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:.....E-mail:.....

2. Sơ bộ về năng lực:

- Nguồn vốn, trong đó số vốn dự kiến đầu tư để sản xuất, kinh doanh đối với giống cây trồng...

- Báo cáo tài chính 3 năm gần nhất.

- Bảo lãnh về năng lực tài chính (nếu có).

- Các tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính.

3. Các thông tin khác (nếu có)**4. Cam kết**

(Tổ chức, cá nhân).....cam kết có đủ năng lực tài chính để sản xuất, kinh doanh đối với giống cây trồng... và chịu trách nhiệm trước pháp luật với cam kết của mình.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Tổ chức/Cá nhân báo cáo

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu/chữ ký số nếu có)

13. Tên TTHC: Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng. Mã TTHC - 1.012063

(1) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

Bước 2: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Bước 4: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 41 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP; trường hợp không ghi nhận, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:
 - + Quầy số 14 - Số ĐT: 02733.993890 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp.
 - + Quầy số 13 - Số ĐT: 02733.898962 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: Số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường.
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- a) Nộp trực tiếp.
- b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính.
- c) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đơn yêu cầu ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 40 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

+ Danh sách thành viên có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng và bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động của tổ chức đăng ký dịch vụ đại diện quyền với thành viên đó.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết: 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông báo ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng (theo Mẫu số 41 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP).

(9) Lệ phí, phí (nếu có): Không

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn yêu cầu ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 40 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP..

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ Việt Nam được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, trừ tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam;

- Có ít nhất một cá nhân có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Khoản 2 Điều 165 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 66 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022).

- Luật số 131/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.

- Điều 31 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng

- Điều 26 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

+ Đơn yêu cầu ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 40 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

+ Danh sách thành viên có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng và bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động của tổ chức đăng ký dịch vụ đại diện quyền với thành viên đó

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Thông báo ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng (theo Mẫu số 41 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP).

Phụ lục V*(Kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)***Mẫu số 40**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN YÊU CẦU GHI NHẬN/GHI NHẬN LẠI TỔ CHỨC DỊCH VỤ
 ĐẠI DIỆN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG**

Kính gửi:..... *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:.....

Điện thoại:.....E-mail:.....

2. Nội dung yêu cầu:

☐ Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền

☐ Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền

– Lý do:

3. Danh sách thành viên được ghi nhận đủ điều kiện hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.

Lập danh sách thành viên với các thông tin như sau:

- Họ và tên:

- Ngày tháng năm sinh:.....Giới tính:.....

- Địa chỉ:

- Số chứng chỉ:..... Ngày cấp:.....

4. Cam kết

(Tổ chức)..... cam đoan mọi thông tin trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..... ngày tháng năm

Tổ chức yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TB-.....

....., ngày ... tháng ... năm...

THÔNG BÁO**Ghi nhận/ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng****Kính gửi:(Tên tổ chức ghi nhận/ghi nhận lại dịch vụ đại diện quyền)**

Căn cứ Quyết định số /QĐ-... ngày ... tháng ... năm ... của quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (Tên cơ quan có thẩm quyền);

*Căn cứ đề nghị của tổ chức, cá nhân tại văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ...;
Xét đề nghị của.....(1),*

Cơ quan có thẩm quyền:

1. Ghi nhận/ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng sau:

- Tên tổ chức:
- Địa chỉ:
- Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

2. Tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng có trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản hướng dẫn Luật.

3. Thông báo này được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan có thẩm quyền./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Trồng trọt và BVTV;
- ...;
- Lưu: VT,....

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN*(Ký tên, đóng dấu chữ ký số)*

(1) Lãnh đạo đơn vị thuộc cơ quan có thẩm quyền được giao nhiệm vụ thẩm định hồ sơ Ghi nhận/ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.

14. Tên TTHC: Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng - Mã TTHC: 1.012064

(1) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

Bước 2: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

Bước 3: Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 41 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP; trường hợp không ghi nhận lại, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:
 - + Quầy số 14 - Số ĐT: 02733.993890 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp.
 - + Quầy số 13 - Số ĐT: 02733.898962 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: Số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường.
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- a) Nộp trực tiếp.
- b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính.
- c) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

- + Đơn yêu cầu ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 40 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

+ Danh sách thành viên có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng và bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động của tổ chức đăng ký dịch vụ đại diện quyền với thành viên đó.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông báo ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng (theo Mẫu số 41 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP).

(9) Lệ phí, phí (nếu có): Không

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn yêu cầu ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 40 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ Việt Nam được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, trừ tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam;

- Có ít nhất một cá nhân có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Khoản 2 Điều 165 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 66 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022).

- Luật số 131/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.

- Điều 32 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng

- Điều 27 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều

của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

+ Đơn yêu cầu ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 40 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

+ Danh sách thành viên có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng và bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động của tổ chức đăng ký dịch vụ đại diện quyền với thành viên đó

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Thông báo ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng (theo Mẫu số 41 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP).

Phụ lục V*(Kèm theo Nghị định số 33 /2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)***Mẫu số 40**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN YÊU CẦU GHI NHẬN/GHI NHẬN LẠI TỔ CHỨC DỊCH VỤ
 ĐẠI DIỆN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG**

Kính gửi:..... *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:.....

Điện thoại:.....E-mail:.....

2. Nội dung yêu cầu:

- ☐ Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền
☐ Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền

– Lý do:

3. Danh sách thành viên được ghi nhận đủ điều kiện hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.

Lập danh sách thành viên với các thông tin như sau:

- Họ và tên:
 - Ngày tháng năm sinh:.....Giới tính:.....
 - Địa chỉ:
 - Số chứng chỉ:..... Ngày cấp:.....

4. Cam kết

(Tổ chức)..... cam đoan mọi thông tin trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..... ngày tháng năm

Tổ chức yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TB-.....

....., ngày ... tháng ... năm...

THÔNG BÁO**Ghi nhận/ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng****Kính gửi:(Tên tổ chức ghi nhận/ghi nhận lại dịch vụ đại diện quyền)**

Căn cứ Quyết định số /QĐ-... ngày ... tháng ... năm ... của quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (Tên cơ quan có thẩm quyền);

*Căn cứ đề nghị của tổ chức, cá nhân tại văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ...;
Xét đề nghị của.....(1),*

Cơ quan có thẩm quyền:

1. Ghi nhận/ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng sau:

- Tên tổ chức:
- Địa chỉ:
- Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

2. Tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng có trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản hướng dẫn Luật.

3. Thông báo này được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan có thẩm quyền./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Trồng trọt và BVTV;
- ...;
- Lưu: VT,....

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN*(Ký tên, đóng dấu chữ ký số)*

(1) Lãnh đạo đơn vị thuộc cơ quan có thẩm quyền được giao nhiệm vụ thẩm định hồ sơ Ghi nhận/ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.

15. Tên TTHC: Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng. Mã TTHC - 1.012062

(1) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

Bước 2: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức kiểm tra, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Bước 4: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 36 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:
 - + Quầy số 14 - Số ĐT: 02733.993890 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp.
 - + Quầy số 13 - Số ĐT: 02733.898962 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: Số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường.
- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính.
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

- a) Nộp trực tiếp.
- b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính.
- c) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Tờ khai đăng ký kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng (theo Mẫu số 35 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP);

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Chứng chỉ đào tạo pháp luật về quyền đối với giống cây trồng hoặc Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động và tài liệu khác chứng minh thực tế hoạt động chuyên môn.

+ 02 ảnh cỡ 3 cm x 4 cm

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết: 13 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức kiểm tra.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng (theo Mẫu số 36 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP).

(9) Lệ phí, phí (nếu có): Không

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Tờ khai đăng ký kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 35 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Là công dân Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Thường trú tại Việt Nam;

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: trồng trọt, bảo vệ thực vật, sinh học, lâm sinh, luật;

- Đã trực tiếp làm công tác pháp luật về quyền đối với giống cây trồng từ 05 năm trở lên hoặc đã trực tiếp làm công tác thẩm định các loại đơn đăng ký quyền đối với giống cây trồng tại cơ quan quốc gia hoặc quốc tế về quyền đối với giống cây trồng từ 05 năm trở lên hoặc đã tốt nghiệp khóa đào tạo pháp luật về quyền đối với giống cây trồng được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 131/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ

- Khoản 3 Điều 27 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính

phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng

- Điều 22 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật

- Điều 21 Thông tư số 07 /2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

+ Tờ khai đăng ký kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng (theo Mẫu số 35 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP);

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Chứng chỉ đào tạo pháp luật về quyền đối với giống cây trồng hoặc Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động và tài liệu khác chứng minh thực tế hoạt động chuyên môn.

+ 02 ảnh cỡ 3 cm x 4 cm

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng (theo Mẫu số 36 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP).

Phụ lục V*(Kèm theo Nghị định số 33 /2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)***Mẫu số 35**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KIỂM TRA NGHIỆP VỤ
ĐẠI DIỆN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Số Hộ chiếu/CCCD:
- Ngày cấp: Nơi cấp
5. Địa chỉ thường trú:
6. Số điện thoại:
7. Địa chỉ Email:
8. Đơn vị công tác *(Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở)*:
9. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo)*:
10. Giấy chứng nhận đào tạo đại diện quyền đối với giống cây trồng đã được cấp (nếu có):
 Số: Ngày cấp Nơi cấp:
11. Thời gian trực tiếp làm công tác pháp luật về quyền đối với giống cây trồng hoặc thẩm định đơn đăng ký quyền đối với giống cây trồng.....
- Cơ quan, đơn vị đã công tác:

Tôi làm đơn này xin đăng ký tham gia kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng do cơ quan tổ chức.

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên.

....., ngày ... tháng... năm ...

Người nộp đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM TRA NGHIỆP VỤ
ĐẠI DIỆN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM TRA NGHIỆP VỤ
ĐẠI DIỆN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG**

Số:/

Họ và tên:

Địa chỉ thường trú:

Số Hộ chiếu/CCCD:.....

Do.....cấp ngày.....

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

16. Tên TTHC: Đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng. Mã TTHC - 1.011998

(1) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Bước 2: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chấp nhận đề nghị đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng, trong đó nêu rõ kế hoạch kiểm tra đã được ấn định hoặc chưa được ấn định vì chưa đủ số người đăng ký tham dự kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều 111 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP; trường hợp không chấp nhận, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 14 - Số ĐT: 02733.993890 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;

+ Quầy số 13 - Số ĐT: 02733.898.962 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: Số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp.

b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính.

c) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Tờ khai đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 13 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu văn bằng tốt nghiệp trình độ đại học hoặc sau đại học.

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động và tài liệu khác chứng minh thực tế hoạt động chuyên môn.

+ 02 ảnh cỡ 3 cm x 4 cm.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định chấp nhận đề nghị đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng.

(9) Lệ phí, phí (nếu có): Không

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Tờ khai đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 13 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Là công dân Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Thường trú tại Việt Nam;
- Có phẩm chất đạo đức tốt;
- Có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực dự kiểm tra;

- Đã qua thực tế hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực đó từ 05 năm trở lên.

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 131/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.

- Điểm a khoản 3 Điều 111 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

- Điều 18 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của

Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Điều 21 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

- Tờ khai đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng theo Mẫu số 13 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 33/2026/NĐ-CP.

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu văn bằng tốt nghiệp trình độ đại học hoặc sau đại học.

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động và tài liệu khác chứng minh thực tế hoạt động chuyên môn.

- 02 ảnh cỡ 3 cm x 4 cm.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

Quyết định chấp nhận đề nghị đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng.

17. Tên TTHC: Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng). Mã TTHC - 1.007999

(1) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị đến Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tiếp hoặc qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Bước 2: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp Giấy phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng) theo Mẫu số 27 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 14 - Số ĐT: 02733.993890 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;

+ Quầy số 13 - Số ĐT: 02733.898.962 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: Số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp.

b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính.

c) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Văn bản đề nghị nhập khẩu giống cây trồng theo Mẫu số 28 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT;

+ Tờ khai kỹ thuật (mỗi giống chỉ nộp một lần khi nhập khẩu lần đầu) theo Mẫu số 29 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

+ Giấy xác nhận hoặc Giấy mời tham gia hội chợ, triển lãm của đơn vị tổ chức đối với trường hợp nhập khẩu để tham gia hội chợ, triển lãm.

+ Giấy chứng nhận an toàn sinh học, Giấy xác nhận thực vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi đối với trường hợp nhập khẩu giống cây trồng biến đổi gen.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép nhập khẩu giống cây trồng (theo Mẫu số 27 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT).

- Thời hạn hiệu lực của Giấy phép nhập khẩu giống cây trồng: 12 tháng kể từ ngày cấp.

(9) Lệ phí, phí (nếu có): Không

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị nhập khẩu giống cây trồng theo Mẫu số 28 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT;

- Tờ khai kỹ thuật (mỗi giống chỉ nộp một lần khi nhập khẩu lần đầu) theo Mẫu số 29 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 29 Luật Trồng trọt năm 2018.

- Điều 15 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Điều 16 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Điều 11 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

- Văn bản đề nghị nhập khẩu giống cây trồng theo Mẫu số 28 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT;

- Tờ khai kỹ thuật (mỗi giống chỉ nộp một lần khi nhập khẩu lần đầu) theo Mẫu số 29 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

- Giấy xác nhận hoặc Giấy mời tham gia hội chợ, triển lãm của đơn vị tổ chức đối với trường hợp nhập khẩu để tham gia hội chợ, triển lãm.

- Giấy chứng nhận an toàn sinh học, Giấy xác nhận thực vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi đối với trường hợp nhập khẩu giống cây trồng biến đổi gen.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

- Giấy phép nhập khẩu giống cây trồng (theo Mẫu số 27 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT).

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Mẫu số 28
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

....., ngày ... tháng ... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU GIỐNG CÂY TRỒNG

Kính gửi:(Tên cơ quan có thẩm quyền)

- Tên của tổ chức, cá nhân đề nghị nhập khẩu giống:
- Số định danh/mã số thuế/mã số doanh nghiệp/ số CCCD:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:.....E-mail:
- Thông tin về giống nhập khẩu:

TT	Tên giống	Tên khoa học	Loại hình (hạt, cây, hom, mắt ghép...)	Đơn vị tính	Số lượng nhập	Nơi xuất
Tổng						

- Lần nhập khẩu:

☐ Lần đầu☐ Lần thứ ...

- Mục đích nhập khẩu:

☐ Nghiên cứu ☐ Khảo nghiệm ☐ Quảng cáo ☐ Triển lãm ☐ Trao đổi quốc tế

- Quy mô, địa điểm dự kiến gieo trồng: (nếu nhiều giống, lập danh sách kèm theo):.....

- Cửa khẩu nhập:

- Thời hạn nhập khẩu

- Kèm theo đây là các tài liệu liên quan:

☐ Tờ khai kỹ thuật☐ Giấy tờ khác

- Chúng tôi xin cam kết:

+ Giống cây trồng đề nghị nhập khẩu trên không thuộc nhóm cây có chứa chất ma túy; không gây hại cho sức khỏe con người và môi trường sinh thái.

+ Báo cáo kết quả nhập khẩu và kết quả sử dụng giống về (Tên cơ quan có thẩm quyền).

Đề nghị (Tên cơ quan có thẩm quyền) xem xét và giải quyết./.

TỜ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký tên, đóng dấu/ chữ ký số)

Mẫu số 29

TỜ KHAI KỸ THUẬT

1. Thông tin về tổ chức, cá nhân

- Tên của tổ chức, cá nhân đề nghị nhập khẩu:
- Số định danh/mã số thuế/mã số doanh nghiệp/ số CCCD:
- Địa chỉ:
- Điện thoại..... E-mail:

2. Thông tin về giống cây trồng

- Tên giống:
- + Tên giống cây trồng ghi bằng tiếng Việt, nếu cây trồng chưa có ở Việt Nam thì ghi bằng tiếng Anh hoặc phiên âm La tinh tiếng bản địa nơi nhập về:
- + Tên khoa học (cụ thể đến loài, họ, bộ):
- Đặc điểm thực vật học chủ yếu:
 - ☐ Cây trồng lâu năm ☐ Cây trồng hàng năm
- + Mô tả rõ đặc điểm thực vật học của cây (thân, lá, rễ, hoa quả...); giá trị sử dụng của cây; cách chế biến, sử dụng để làm gì:

- Bộ phận sử dụng:

- ☐ Thân ☐ Lá ☐ Rễ ☐ Củ ☐ Hoa ☐ Quả ☐ Hạt

- Giá trị sử dụng:

- ☐ Làm lương thực, thực phẩm ☐ Làm dược liệu
- ☐ Thức ăn chăn nuôi ☐ Làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến
- ☐ Cải tạo môi trường ☐ Các giá trị khác (ghi rõ):.....

3. Kỹ thuật gieo trồng (đối với giống cây trồng nhập khẩu lần đầu)

- Yêu cầu điều kiện sinh thái (vĩ độ, nhiệt độ, đất đai...):
- Thời vụ trồng:
- Mật độ, lượng giống/ha:
- Sâu bệnh hại chính:

4. Cảnh báo các tác hại: Nêu rõ những dự báo tác động xấu của loại cây trồng nhập khẩu đến môi trường sinh thái như đất, nước, sinh vật khác và sức khỏe con người (nếu có).

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin trong tờ khai kỹ thuật này.

....., ngày....tháng....năm....

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ*(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)***Mẫu số 27****TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN (1)****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GPX/NK-.....

....., ngày ... tháng ... năm...

GIẤY PHÉP XUẤT/NHẬP KHẨU GIỐNG CÂY TRỒNG

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-..... ngày ... tháng ... năm quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của..... (1);

Căn cứ Văn bản đề nghị cấp Giấy phép xuất/nhập khẩu giống cây trồng số ... ngày ... tháng ... năm ... của(2).

.....(1) đồng ý để (2) xuất/nhập khẩu giống cây trồng như sau:

TT	Tên giống	Tên khoa học	Loại hình (hạt, cây, hom, mắt ghép...)	Đơn vị tính	Số lượng nhập/xuất	Nơi xuất/nhập
Tổng						

Mục đích xuất/nhập khẩu:

Địa điểm xuất/nhập khẩu:

Ghi chú:

- Việc xuất/nhập khẩu giống trên,(2) phải thực hiện đúng Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các quy định pháp lý có liên quan khác của Nhà nước Việt Nam.

-(2) có trách nhiệm báo cáo kết quả xuất/nhập khẩu và sử dụng giống trên về *(Tên và địa chỉ của cơ quan cấp giấy phép)*.

* Giấy phép chỉ có giá trị đối với lô hàng đề nghị cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu và có thời hạn 12 tháng.

**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN***(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)*

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền

(2) Tên tổ chức, cá nhân xuất/nhập khẩu

18. Tên TTHC: Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại. Mã TTHC - 1.007994

(1) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tiếp hoặc qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Bước 2: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời bằng văn bản tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp Giấy phép xuất khẩu giống cây trồng theo Mẫu số 27 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, gồm:

+ Quầy số 14 - Số ĐT: 02733.993890 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: số 377, Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;

+ Quầy số 13 - Số ĐT: 02733.898.962 - Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: Số 10, Lê Thị Riêng, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Trung tâm phục vụ hành chính công các xã, phường

- Thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính;

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.gov.vn.

(3) Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp.

b) Nộp thông qua dịch vụ bưu chính.

c) Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu giống cây trồng theo Mẫu số 25 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

+ Tờ khai kỹ thuật (mỗi giống chỉ nộp một lần khi xuất khẩu lần đầu) theo Mẫu số 26 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

+ Thỏa thuận hợp tác bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch ra tiếng Việt có xác nhận của cơ quan dịch thuật đối với trường hợp xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, hợp tác quốc tế.

+ Giấy xác nhận hoặc Giấy mời tham gia hội chợ, triển lãm của đơn vị tổ chức đối với trường hợp xuất khẩu để tham gia hội chợ, triển lãm.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(5) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(6) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

(7) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao giải quyết thủ tục hành chính.

(8) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép xuất khẩu giống cây trồng (theo Mẫu số 27 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT).

- Thời hạn hiệu lực của Giấy phép xuất khẩu giống cây trồng: 12 tháng kể từ ngày cấp.

(9) Lệ phí, phí (nếu có): Không

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu giống cây trồng theo Mẫu số 25 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

- Tờ khai kỹ thuật (mỗi giống chỉ nộp một lần khi xuất khẩu lần đầu) theo Mẫu số 26 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

(12) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 28 Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018.

- Điều 15 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Điều 16 Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

- Điều 10 Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các

thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật.

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hoá:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu giống cây trồng theo Mẫu số 25 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

- Tờ khai kỹ thuật (mỗi giống chỉ nộp một lần khi xuất khẩu lần đầu) theo Mẫu số 26 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT.

- Thỏa thuận hợp tác bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch ra tiếng Việt có xác nhận của cơ quan dịch thuật đối với trường hợp xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, hợp tác quốc tế.

- Giấy xác nhận hoặc Giấy mời tham gia hội chợ, triển lãm của đơn vị tổ chức đối với trường hợp xuất khẩu để tham gia hội chợ, triển lãm.

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hoá:

- Giấy phép xuất khẩu giống cây trồng (theo Mẫu số 27 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT).

PHỤ LỤC II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Mẫu số 25

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XUẤT KHẨU GIỐNG CÂY TRỒNG

Kính gửi:..... (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên của tổ chức, cá nhân đề nghị xuất khẩu giống:

- Số định danh/mã số thuế/mã số doanh nghiệp/ số CCCD:.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại Email

2. Thông tin về giống xuất khẩu:

TT	Tên giống	Tên khoa học	Loại hình (hạt, cây, hom, mắt ghép...)	Đơn vị Tính	Số lượng xuất	Nơi nhập
Tổng						

- Lần xuất khẩu: ☐ Lần đầu ☐ Lần thứ

- Mục đích xuất khẩu:

☐ Nghiên cứu

☐ Khảo nghiệm

☐ Quảng cáo

☐ Triển lãm

☐ Trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại

- Quy mô, địa điểm dự kiến gieo trồng: (nếu nhiều giống, lập danh sách kèm theo):.....

- Cửa khẩu xuất:

- Thời hạn xuất khẩu

Đề nghị (Tên cơ quan có thẩm quyền) xem xét và giải quyết./.

....., ngày ... tháng ... năm ...
TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)

TỜ KHAI KỸ THUẬT**1. Thông tin về tổ chức, cá nhân**

- Tên của tổ chức, cá nhân đề nghị xuất khẩu giống:
- Số định danh/mã số thuế/mã số doanh nghiệp/ số CCCD:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:E-mail:

2. Thông tin về giống

- Tên giống:
- + Tên giống cây trồng ghi bằng tiếng Việt, nếu cây trồng chưa có ở Việt Nam thì ghi bằng tiếng Anh hoặc phiên âm La tinh tiếng bản địa:
- + Tên khoa học (cụ thể đến loài, họ, bộ):
- Đặc điểm thực vật học chủ yếu:
 - ☐ Cây trồng lâu năm
 - ☐ Cây trồng hàng năm
- + Mô tả rõ đặc điểm thực vật học của cây (thân, lá, rễ, hoa quả...); giá trị sử dụng của cây; cách chế biến, sử dụng để làm gì:.....
- Bộ phận sử dụng:
 - ☐ Thân ☐ Lá ☐ Rễ ☐ Củ ☐ Hoa ☐ Quả ☐ Hạt
- Giá trị sử dụng:
 - ☐ Làm lương thực, thực phẩm
 - ☐ Làm dược liệu
 - ☐ Thức ăn chăn nuôi
 - ☐ Làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến
 - ☐ Cải tạo môi trường
 - ☐ Các giá trị khác (ghi rõ):

3. Cảnh báo các tác hại: Nêu rõ những dự báo tác động xấu của loại cây trồng xuất khẩu đến môi trường sinh thái như đất, nước, sinh vật khác và sức khỏe con người (nếu có).

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin trong tờ khai kỹ thuật này.

..., ngày ... tháng ... năm ...
TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
 (Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)

**TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN (1)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GPX/NK-

....., ngày ... tháng ... năm...

.....

GIẤY PHÉP XUẤT/NHẬP KHẨU GIỐNG CÂY TRỒNG

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-..... ngày ... tháng ... năm quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của..... (1);

Căn cứ Văn bản đề nghị cấp Giấy phép xuất/nhập khẩu giống cây trồng số ... ngày ... tháng ... năm ... của(2).

.....(1) đồng ý để (2) xuất/nhập khẩu giống cây trồng như sau:

TT	Tên giống	Tên khoa học	Loại hình (hạt, cây, hom, mắt ghép...)	Đơn vị tính	Số lượng nhập/xuất	Nơi xuất/nhập
Tổng						

Mục đích xuất/nhập khẩu:

Địa điểm xuất/nhập khẩu:

Ghi chú:

- Việc xuất/nhập khẩu giống trên,(2) phải thực hiện đúng Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các quy định pháp lý có liên quan khác của Nhà nước Việt Nam.

-(2) có trách nhiệm báo cáo kết quả xuất/nhập khẩu và sử dụng giống trên về (Tên và địa chỉ của cơ quan cấp giấy phép).

* Giấy phép chỉ có giá trị đối với lô hàng đề nghị cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu và có thời hạn 12 tháng.

**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN**

(Ký tên, đóng dấu/chữ ký số)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền

(2) Tên tổ chức, cá nhân xuất/nhập khẩu